

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT
TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 411 /IDI/CBTT-2023

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)

Mã chứng khoán: IDI

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành,
huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773. 680 383

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Chung

Địa chỉ: 72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Fax:

Loại thông tin công bố định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022. Nội dung thông tin trên đã được đăng trên trang website: www.idiseafood.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan:*

- Báo cáo thường niên năm 2022

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Chung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

QL.80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0277 3680383 Fax: 0277 3680382
Email: info@idiseafood.com
Website: idiseafood.com



MỤC LỤC

Thư Ngỏ của Chủ tịch HĐQT	4-4
I/ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	
1.1- LỊCH SỬ HÌNH THÀNH	5-5
1.2- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	
a) Ngành nghề kinh doanh	5-5
b) Địa bàn kinh doanh	5-5
c) Tóm tắt quá trình phát triển công ty	5-5
1.3- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	
a) Mô hình quản trị	6-6
b) Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ	6-7
c) Các công ty con, công ty liên kết	7-8
1.4- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	
a) Các mục tiêu chủ yếu của công ty	9-10
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn	10-10
c) Các mục tiêu phát triển bền vững	10-10
1.5- CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022	
2.1- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022	11-13
b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch	13-13
c) Hoạt động sản xuất kinh doanh	13-14
2.2- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	
a) Danh sách ban điều hành	14-16
b) Những thay đổi trong ban điều hành năm 2022	16-16
c) Nguồn nhân lực	16-16
2.3- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	
a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2022	16-17
b) Tóm tắt về hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết	17-19
2.4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
a) Tình hình tài chính năm 2022	20-20
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	20-20
2.5- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	
a) Cổ phần	21-21
b) Cơ cấu cổ đông	21-21
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	22-22
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ	22-22
e) Các chứng khoán khác	22-22
2.6- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	
a) Tác động lên môi trường	22-22
b) Quản lý nguồn nguyên vật liệu	22-22
c) Tiêu thụ năng lượng	22-22
d) Tiêu thụ nước	23-23
e) Tuân thủ pháp luật về môi trường	23-23
f) Chính sách liên quan đến người lao động	23-25
g) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương	25-25
h) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh	25-25
III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
3.1- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
a) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022	25-26
b) Những tiến bộ công ty đã đạt được	26-27
3.2- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
a) Phân tích tình hình tài sản	28-28
b) Tình hình nợ phải trả	28-29

3.3- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	29-32
3.4- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	
a) Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải	32-34
b) Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải	34-35
c) Về quản lý chất thải rắn	35-35
d) Về quản lý chất thải nguy hại	36-37
e) Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	37-37
f) Về kết quả khắc phục	37-37
IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
4.1- ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	37-37
4.2- ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	37-38
V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY	
5.1- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39-40
5.2- BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	
a) Các thành viên	40-40
b) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ	40-41
5.3- CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	
a) Thừ lao HĐQT và tiền lương của Ban TGD năm 2022	41-41
b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2022	41-41
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ	41-41
d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	41-41
VI/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
6.1- Ý KIẾN KIỂM TOÁN	66-66
6.2- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	66-100

Thư Ngỏ!

Kính thưa: **Các thành viên trong đại gia đình Công ty IDI thân mến!**
 Chúng ta trải qua 2 năm đầy khắc nghiệt khi dịch bệnh Covid kéo dài và tàn phá khủng khiếp. Nó cướp đi sinh mạng hàng triệu người, làm tê liệt hầu hết tất cả các nền kinh tế và đẩy hàng loạt doanh nghiệp lớn đi đến phá sản. Tưởng chừng mọi thứ khó khăn đã qua khi chúng ta đón chào năm 2022 với bao niềm tin chiến thắng thì lập tức bao khó khăn thử thách lại ập đến: chiến tranh khốc liệt và ươm mầm cho cuộc thế chiến thứ 3, kinh tế thế giới chính thức khủng hoảng kéo theo suy thoái và lạm phát tăng cao, các nước trên thế giới phải căng mình chống chọi. Việt Nam chúng ta cũng không ngoại lệ khi chính phủ siết chặt chính sách tiền tệ và nền kinh tế phải đối diện hàng loạt căn bệnh nan y như: khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp, khủng hoảng tài chính, thị trường chứng khoán mất niềm tin,.... Nhưng Công ty IDI chúng ta đã vượt qua năm 2022 một cách ngoạn mục, với doanh thu gần 8.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 563 tỷ đồng. Đây là minh chứng cho một tập thể Công ty IDI đoàn kết, sáng tạo, biết cách để vượt qua những khó khăn thử thách nhất của nền kinh tế.

Kính thưa Quý vị! Tôi vô cùng biết ơn và trân quý tất cả những giá trị mà Quý vị đã dành cho Công ty IDI bằng cả trái tim mình. Và đặc biệt hơn nữa, tôi chân thành cảm ơn các thành viên trong HĐQT, Ban điều hành qua các thời kỳ đã kiến tạo một nền móng vững chắc cho Công ty IDI. Sự cống hiến đó đã giúp cho IDI đứng vững và đứng vững chắc trước phong ba bão táp của nền kinh tế trong thời gian qua. Qua đó đã minh chứng cho thấy sự điều hành sáng suốt của Ban lãnh đạo và sẽ là cơ sở, nền tảng để chúng ta tin tưởng vào một tương lai tươi sáng của IDI trong thời gian tới.

Kính thưa Quý vị! Thâm thoát Công ty IDI đã được 20 tuổi, trải qua 20 năm từ khi hình thành và phát triển, chúng ta đã vượt qua rất nhiều thăng trầm, rất nhiều cảm xúc khác nhau. Đến giờ IDI chúng ta đã trở thành một trong những Công ty top đầu xuất khẩu cá Tra lớn nhất Việt Nam. Không dừng lại ở đây, trước sứ mệnh trường tồn và phát triển mạnh mẽ của Công ty, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục kiến tạo và xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế thừa chiến lược, được đào tạo khoa học, bài bản, có đầy đủ năng lực và đạo đức để chèo lái con tàu IDI tiến về tương lai xứng tầm với tuổi đời mười sung mãn mà IDI đang có. Bên cạnh đó Ban lãnh đạo đã có những định hướng với tương lai sáng lạn cùng hàng loạt dự án mang tính đột phá và sẽ giúp cho IDI kinh doanh thăng hoa trong thời gian tới. Đặc biệt là dự án như nhà máy chế biến thủy sản số 3, trung tâm nghiên cứu giống với những ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại sẽ được công ty sớm đầu tư. Như vậy, chúng ta hoàn toàn có đầy đủ cơ sở và niềm tin về ngày mai thành công rực rỡ của IDI.

Với tư cách CT.HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty, CB-CNV cùng Quý cổ đông, Quý đối tác,... đã luôn gắn bó, ủng hộ và đồng hành cùng Công ty trong suốt chặng đường vừa qua. Với sự chung sức chung lòng của tất cả các thành viên trong Đại gia đình IDI sẽ là động lực cho tôi tiếp tục có những kiến tạo để xây dựng “mái nhà IDI” ngày càng vững chắc và phồn thịnh.

Trân thành cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



LÊ THANH THUẬN



I/ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1 - LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 19 số 0303141296 ngày 25/11/2019.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên tiếng Anh : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I
- Vốn điều lệ đăng ký: 2.276.446.080.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 2.276.446.080.000 đồng.
- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: 0277 3680 383 Fax: 0277 3680 382
- Website: www.idiseafood.com
- Email: info@idiseafood.com
- Mã số thuế : 0303141296

1.2- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

a- Ngành nghề kinh doanh

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 72830/QĐ-SHTT ngày 19/10/2017.

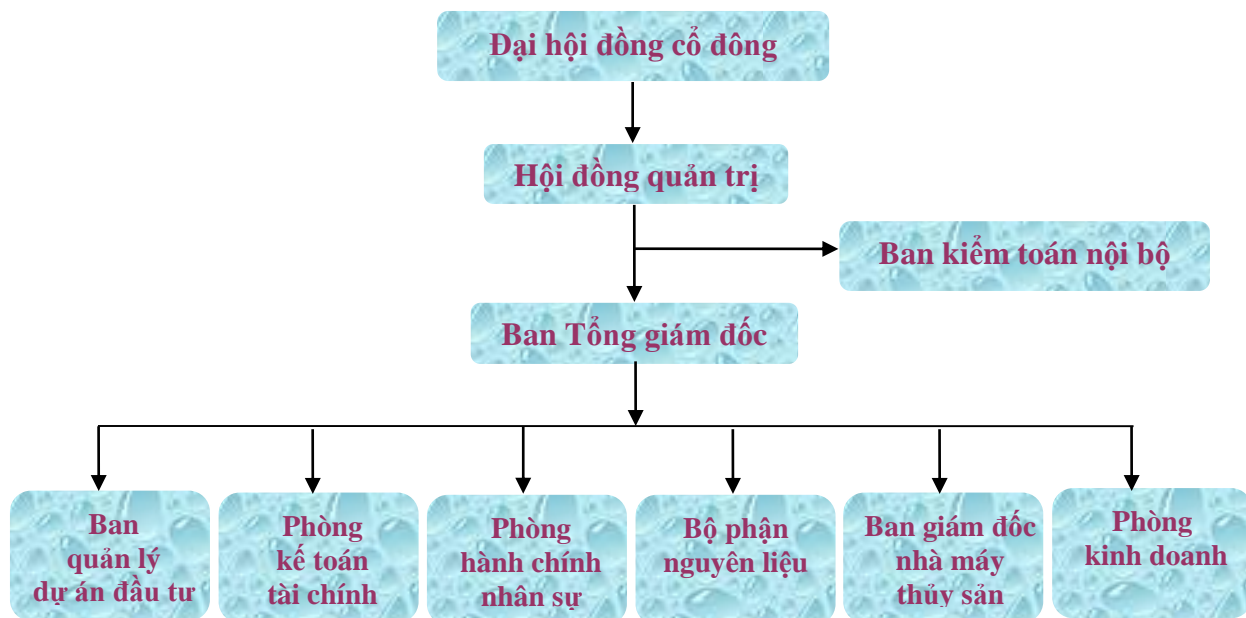
b- Địa bàn kinh doanh

Năm 2022, Công ty đã xuất khẩu đến gần 200 khách hàng với 51 quốc gia và vùng lãnh thổ trên Thế giới. Trong đó, thị trường Trung Quốc chiếm hơn 33% và thị trường Mexico chiếm hơn 28% tổng doanh thu xuất khẩu trong 02 năm gần nhất.

c- Tóm tắt quá trình phát triển công ty

- Năm 2003, được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng.
- Năm 2007, khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1.
- Năm 2008, hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động.
- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2011, Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- Năm 2016, vận hành nhà máy thủy sản số 2 với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2018, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- Năm 2020, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- I.D.I luôn có tên trong top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam.



1.3- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**a- Mô hình quản trị****b- Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ****b.1- Hội đồng quản trị**

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.

- Thành viên HĐQT gồm có:

- | | |
|----------------------|----------------------------------|
| • Ông Lê Thanh Thuận | Chủ tịch. |
| • Ông Lê Văn Chung | Phó chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. |
| • Ông Tống Phi Hùng | Thành viên HĐQT độc lập. |
| • Ông Đinh Văn Thép | Thành viên HĐQT độc lập. |

b.2- Ban tổng giám đốc

- Ban tổng giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Ban tổng giám đốc gồm có:

- | | |
|-------------------------|---|
| • Ông Lê Văn Chung | Tổng Giám đốc. |
| • Ông Lê Văn Cảnh | Phó Tổng Giám đốc. |
| • Ông Phạm Đình Nam | Phó Tổng Giám đốc. (Miễn nhiệm ngày 16/04/2022) |
| • Ông Lê Thế Tùng | Phó Tổng Giám đốc. (Bỏ nhiệm ngày 01/04/2022) |
| • Ông Nguyễn Thanh Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Võ Thị Minh Tâm | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Trương Công Khánh | Giám đốc tài chính. |
| • Ông Nguyễn Đức Phương | Kế toán trưởng. |



Các thành viên ban lãnh đạo Công ty tại ĐHĐCĐTN năm 2022

b.3- Ban kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ đóng vai trò là người bảo vệ giá trị cho doanh nghiệp. Kiểm toán nội bộ là một quan sát viên độc lập, nhằm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định pháp luật quốc gia, đạo đức kinh doanh và quy chế hoạt động của công ty. Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giữ vai trò là người tư vấn và định hướng cho ban giám đốc và hội đồng quản trị về kiểm soát rủi ro.

- Thành viên Ban KTNB gồm có:

- Bà Lê Thị Phụng Trưởng ban.
- Bà Ngô Thị Tố Ngân Thành viên.
- Ông Lê Hoàng Cương Thành viên.

c- Các công ty con, công ty liên kết

c.1- Công ty Mẹ

➤ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM)

- + Vốn điều lệ: 3.365.267.520.000 đồng.
- + Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

ĐVT: VND

Vốn điều lệ IDI đến 31/12/2022	Số vốn cổ phần của ASM đến 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu (%)
2.276.446.080.000	1.166.124.310.000	51,23%

c.2- Công ty con**➤ Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Tài Chính-ASTAR:**

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - *Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.*
 - *Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.*

ĐVT: VND

Vốn Chủ sở hữu ASTAR	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu (%)
52.168.973.891	32.890.000.000	63,05%

➤ Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco (DAT):

- + Vốn điều lệ : 629.351.040.000 đồng.
- + Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - *Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.*
 - *Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.*

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco đến 31/12/2022	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu (%)
629.351.040.000	498.760.699.200	79,25%

➤ Công ty CP Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông:

- + Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng.
- + Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, Đắk Nông.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - *Trồng cây cao su.*

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Công ty Vĩnh An Đắc Nông đến 31/12/2022	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2022	Tỷ lệ (%)
60.000.000.000	58.500.000.000	97.50%



1.4- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

a.1) Xây dựng trại cá tra giống:

- Công ty cần phải xây dựng một trung tâm giống công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.

a.2) Phát triển vùng nuôi cá của Công ty:

- Để đạt được mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trại cá giống hiện đại vẫn chưa đủ. Công ty cần phải nỗ lực để đầu tư cho vùng nuôi của mình, một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo chất lượng cá cũng như việc kiểm soát giá thành.

a.3) Xây dựng nhà máy chế biến cá tra Fillet xuất khẩu số 3:

- Để mở rộng quy mô hoạt động và phát triển thêm các sản phẩm mới từ nguyên liệu cá tra, Công ty sẽ đầu tư xây dựng thêm Nhà máy chế biến thủy sản số 3 với công suất thiết kế 400 tấn nguyên liệu/12 giờ/ ngày, dự kiến hoàn thành trong quý III/2024 sẽ giúp Công ty tăng năng lực xuất khẩu đáng kể trước nhu cầu lương thực thực phẩm trên Thế giới tăng cao.



Các nhà máy và kho lạnh của Công ty

a.4) Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá:

- Đây là một công ty con của IDI với tỷ lệ góp vốn gần 80%. Sử dụng từ nguồn phụ phẩm của nhà máy đông lạnh IDI để làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Với quy trình và Công nghệ hiện đại thì nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá.

**a.5) Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản:**

Để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, tiết kiệm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty, việc xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản là rất cần thiết. Khi dự án này hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty.

b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào nền kinh tế Thế giới.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn ASC phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tạo công ăn việc làm, giúp cải thiện đời sống cho hàng ngàn CB-CNV ở các vùng lân cận và góp phần làm suy giảm các tệ nạn xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục chung tay giúp đỡ cùng với các quỹ hỗ trợ người nghèo, khó khăn trên địa bàn.

- Tiếp tục tham gia các hội nghị thảo luận về bảo vệ môi trường và thường xuyên tuyên truyền về việc vệ sinh máy móc thiết bị, sửa chữa và thay mới các thiết bị hư hỏng, quá hạn sản xuất để giảm thiểu tối đa nguồn khí thải ra môi trường nếu có.

1.5- CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- *Về môi trường nước và chất lượng cá giống:* Hiện nay chất lượng cá giống rất thấp, khiến sức đề kháng thấp dễ bị mắc bệnh dẫn đến tỷ lệ hao hụt lớn khoảng 25-30%. Bên cạnh đó, chất lượng môi trường nước cũng rất xấu do lượng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật quá nhiều trong nước cũng khiến cho một số ao cá biệt tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 50%. Ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất của công ty.

- *Về thị trường tiêu thụ:* Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho mặt hàng cá tra của Việt Nam. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn luôn được đánh giá là thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro và không ổn định về nhu cầu, lúc mua mạnh một cách đột ngột, lúc không mua và mới đây nhất là vấn đề kiểm soát dịch Covid-19 trên hàng đông lạnh khiến hàng hóa bị ách tắc, ùn ứ ở các cảng xuất nhập khẩu Trung Quốc, chi phí vận chuyển tăng cao, điều này làm vượt tầm kiểm soát của các doanh nghiệp.

Thị trường Mỹ được biết là thị trường khá khó tính với sản phẩm cá da trơn của Việt Nam. Bên cạnh đó việc áp dụng thuế chống phá giá khá cao với mặt hàng này nên việc chỉ tập trung vào thị trường Mỹ dễ bị ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất cũng như doanh thu và lợi nhuận giảm mạnh khi thị trường này hạn chế tiêu thụ cá Tra.

- *Về thiên tai và tác động của con người:* Những năm gần đây do biến đổi khí hậu, thời tiết nắng nhiều mưa ít và do nhiều quốc gia xây dựng nhiều đập thủy điện chặn giữ nước trên đầu thượng nguồn sông Mê Kông, dẫn đến lượng nước ngọt đổ về quá ít, thậm chí tình trạng ngập mặn ở ĐBSCL còn xảy ra liên tục và đáng báo động. Tình hình này khiến cá tra dễ bị bệnh, chậm lớn và size cá khi thu hoạch thường không đồng đều, khiến việc đóng hàng xuất khẩu mất thời gian dài hơn và khâu quản lý, đánh dấu size thành phẩm vất vả hơn.

- *Về dịch bệnh:* Đại dịch Covid-19 xuất hiện, hủy diệt sự sống và tàn phá nền kinh tế toàn cầu kinh hoàng, nó vượt qua rất nhiều so với sự hiểu biết, cách kiểm soát và kinh nghiệm phòng chống các đại dịch trước đây của con người. Điều này khiến cả Thế giới đóng cửa, ngừng giao thông thương mại với bên ngoài, khiến tất cả các ngành xuất nhập khẩu Việt Nam, trong đó có ngành cá tra bị ảnh hưởng nặng nề. Đồng thời, Covid-19 xuất hiện còn dự báo cho các đợt đại dịch tiếp theo có thể xảy ra với con người trong tương lai.

- *Về chính trị:* Chính trị luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, gây bất ổn với đa số các quốc gia, do giao thương quốc tế kết nối tất cả các nền kinh tế trên Thế giới với nhau. Nếu xảy ra bất ổn chính trị, điển hình như cuộc chiến tranh Thương Mại Mỹ-Trung, hay gần đây nhất là chiến tranh Nga-Ukraina đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng lương thực, thực phẩm ra Thế giới, khiến nhiều khách hàng có giao dịch mua bán hàng hóa với 2 nước Nga và Ukraina sẽ không thể thu hồi vốn.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2.1-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	Tỉ lệ (%)	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.722	7.937	2.215	38,71%	100%	100%	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3,4	6,4	3	88,24%	0,06%	0,08%	0,02%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.719	7.931	2.212	38,68%	99,94%	99,92%	-0,02%
4. Giá vốn hàng bán	5.208	6.836	1.628	31,26%	91,02%	86,13%	-4,89%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	510,1	1.095	584,5	114,59%	8,91%	13,79%	4,88%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	95,8	167,3	71,5	74,63%	1,67%	2,11%	0,43%
7. Chi phí tài chính	237,4	307,6	70,2	29,57%	4,15%	3,88%	-0,27%
Trong đó: Chi phí lãi vay	226,1	233,2	7,1	3,14%	3,95%	2,94%	-1,01%
8. Chi phí bán hàng	172,1	307,9	135,8	78,89%	3,01%	3,88%	0,87%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38	61	23	60,53%	0,66%	0,77%	0,10%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	158,8	585,8	427	268,89%	2,78%	7,38%	4,61%
11. Thu nhập khác	30,6	38,9	8,3	27,12%	0,53%	0,49%	-0,04%
12. Chi phí khác	8,3	6,8	(1,5)	-18,37%	0,15%	0,09%	-0,06%
13. Lợi nhuận khác	22,3	32,1	9,8	43,95%	0,39%	0,40%	0,01%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	181,1	617,8	436,7	241,14%	3,16%	7,78%	4,62%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	37,8	54,6	16,8	44,44%	0,66%	0,69%	0,03%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	0,1	0,1	0,1	0,00%	0,00%	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	143,3	563,1	419,8	292,95%	2,50%	7,09%	4,59%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	591	2.404	1.813	306,77%	10,33%	30,29%	19,96%

+) Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tổng doanh thu năm 2022 đạt 7.937 tỷ đồng, tăng 2.215 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng với tỉ lệ tăng là 38,71%. Yếu tố tác động chính là do sau thời gian dài giãn cách xã hội và sự đứt gãy chuỗi cung ứng lương thực thực phẩm Toàn cầu từ chiến tranh Nga-Ukraina khiến nguồn cung cá tra khan hiếm mà nhu cầu tiêu thụ cá tra tăng cao. Chính vì vậy, Công ty đã chớp cơ hội tận dụng các kho lạnh có sẵn để mạnh dạn ký hợp đồng và giao hàng đầy đủ đến tay khách hàng của Công ty, nên doanh thu bán hàng của công ty đã bứt tốc tăng lên mạnh mẽ.

+) Về giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp: Do nhu cầu tiêu thụ cá tra năm 2022 tăng cao, khiến giá nguyên liệu đầu vào cũng tăng lên. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán so với năm 2021 là 31,26% thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu (38,71%), điều này cho thấy Công ty đã chốt giá, ký các hợp đồng bao tiêu, nuôi liên kết với các hộ dân từ đầu năm 2022 với giá chốt trước thấp hơn giá thị trường tại thời điểm thu hoạch cá nguyên liệu, dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty tăng 114,59% so với năm 2021.

+) Về doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính tăng 71,5 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 73,63% so với năm 2021. Nguyên nhân là nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD) từ

xuất khẩu thu về trong năm 2022 tăng cao nên Công ty đã cân đối trả nợ vay các tổ chức tín dụng, phần còn lại được bán cho các Ngân hàng khi tỷ giá USD/VND tăng cao. Chính vì vậy mà Doanh thu hoạt động tài chính tăng 73,63% so với năm 2021.

+) **Về chi phí tài chính:** Chi phí tài chính tăng 70,2 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 17,7% so với năm 2020. Nguyên nhân là do năm 2022 lạm phát tăng cao, dẫn tới các ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất cho vay lên từ 50-100% so với bình thường, điều này làm chi phí tài chính của hầu hết các Doanh nghiệp vay vốn đều tăng cao, trong đó có cả Công ty IDI.

+) **Về chi phí bán hàng:** Chi phí bán hàng tăng 135,8 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 78,89% so với năm 2021. Nguyên nhân chính là do chi phí vận chuyển, bao bì, cước tàu tăng cao kết hợp với các đơn hàng trong năm 2022 tăng cao nên khiến cho chi phí bán hàng tăng so với năm 2021.

+) **Về chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 23 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 60,53% so với năm 2021. Nguyên nhân là sau thời gian dài giãn cách xã hội, năm 2022 Công ty trở lại hoạt động bình thường và nâng công suất hoạt động lên tối đa để đáp ứng nhu cầu cho các đơn hàng của Công ty.

+) **Về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 427 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ 268,9% so với năm 2021. Nguyên nhân là do giá cá tra thành phẩm xuất khẩu năm 2022 trung bình khoảng 3,8 USD/Kg, tăng khoảng 90% so với giá cá thành phẩm xuất khẩu năm 2021, bên cạnh đó là tổng số lượng container hàng hóa xuất khẩu năm 2022 tăng cao hơn số lượng hàng hóa xuất khẩu năm 2021 nên dẫn đến tỉ lệ tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh như trên.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tăng giảm so với năm 2021		Tăng giảm so với kế hoạch năm 2022	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	5.719	8.301	7.931	2.212	38,68%	-379	-4,56%
Tổng lợi nhuận sau thuế	143	900	563	420	293%	-337	-37,44%

➤ Doanh thu thuần năm 2022 của Công ty đạt 7.931 tỷ, tăng 38,68% so với năm 2021 và giảm 4,56% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do chiến tranh Nga-Ukraina nổ ra từ đầu năm 2022 làm đứt gãy chuỗi cung ứng lương thực, thực phẩm trên Toàn cầu, nhu cầu thực phẩm trên Thế giới tăng cao trong đó có mặt hàng cá tra Việt Nam khiến cho doanh số xuất khẩu của Công ty IDI tăng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên, do lạm phát tăng cao buộc nhiều Quốc gia trên thế giới áp dụng tăng lãi suất cho vay từ quý 4 năm 2022, bóp chặt tiêu dùng, khiến cho nhu cầu chi tiêu, ăn uống trên Thế giới giảm xuống và là nguyên nhân khiến Doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 95,44% so với kế hoạch đề ra.

➤ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng hơn 420 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 293% so với năm 2021. Đây là thành quả xứng đáng dành cho nỗ lực hết mình, không ngừng nghỉ của tập thể Công ty IDI nói chung và của HĐQT cùng với ban lãnh đạo điều hành Công ty nói riêng.

c) Hoạt động sản xuất kinh doanh**- Cơ cấu doanh thu trong năm:**

Đvt: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2021		Năm 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.320	40,54%	3.581	45,12%
2	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.213	38,67%	2.943	37,08%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.127	19,70%	1.344	16,93%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	55	0,96%	68	0,86%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	7	0,12%	0,9	0,01%
Tổng Cộng		6.374	5.722	100%	7.937

+ Trong cơ cấu doanh thu, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 99,13% trong năm 2022 cho thấy Công ty vẫn tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực thủy sản.

+ Doanh thu lĩnh vực thủy sản năm 2022 tăng hơn 2.200 tỷ đồng, tương đương tăng 39% so với năm 2021. Đây là kết quả đã được HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty nhìn thấy và tận dụng thời cơ sau khi kiểm soát được dịch covid-19 nên đã tập trung sản xuất và mạnh dạn chốt các đơn hàng dài hạn với khách hàng.

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN

(ĐVT: Tỷ đồng)

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2021		NĂM 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.063	30,18%	2.736	40,03%
2	Giá vốn Bột Cá, mỡ cá	2.130	31,16%	2.811	41,12%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.011	14,79%	1.232	18,02%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47	0,69%	55	0,80%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	6,6	0,10%	0,96	0,01%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-49,5	-0,72%	0,3	0,00%
Tổng Cộng		5.208	100%	6.835	100%

+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 99,18% trong năm 2022, tăng 1.575 tỷ đồng so với năm 2021. Nguyên nhân là việc giá cá nguyên liệu ngoài thị trường và giá thức ăn thủy sản cho cá tra năm 2022 tăng cao nên dẫn đến giá vốn hàng bán của Công ty tăng 30,27% so với năm 2021.

2.2-TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

a) Danh sách ban điều hành



Ông Lê Văn Chung – Phó CT.HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn-Thanh Hóa. Trước khi làm Tổng giám đốc Công ty CP I.D.I, Ông từng công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế, Công ty liên doanh kiến trúc An Giang, Công ty Xây dựng Miền Tây và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- SL CP sở hữu : 148.787 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.



Bà Võ Thị Minh Tâm – Phó Tổng Giám Đốc

- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh năm 1966 tại Long Xuyên-An Giang. Trước khi làm Phó tổng giám đốc Công ty CP I.D.I, Bà từng công tác tại Công ty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ, Công ty vận chuyển Transimex TP.HCM.
- SL CP sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng giám đốc

- Ông Lê Văn Cảnh sinh năm 1975 tại Triệu Sơn-Thanh Hóa. Trước khi làm Phó tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Ông từng công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Công ty CP Tập đoàn Sao Mai).
- SL CP sở hữu : 11.069 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.



Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc

- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh năm 1988 tại Thọ Xuân-Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh trường California State University, Ông làm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I năm 2012. Từ năm 2015 đến nay, Ông làm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I.
- SL CP : 12.000.000 cổ phần, chiếm 5,27% vốn điều lệ.



Ông Lê Thế Tùng – Phó Tổng Giám Đốc

- Ông Lê Thế Tùng sinh năm 1996 tại Long Xuyên-An Giang. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Quản lý doanh nghiệp trường Boston University năm 2017, Ông công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đến hết năm 2019. Từ năm 2020 Ông làm Trợ lý Tổng giám đốc Công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I. Từ tháng 04/2022 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I.
- SL CP : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Trương Công Khánh – Giám đốc tài chính

- Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Lấp Vò-Đồng Tháp. Trước khi làm giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Ông từng làm tại Công Ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành, Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, Công Ty CP Đầu Tư Địa Ốc & Khoáng Sản Châu Á, Công ty CP Tập đoàn Sao Mai.
- SL CP : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Nguyễn Đức Phương – Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Đức Phương sinh năm 1994 tại Chợ Mới-An Giang. Sau khi tốt nghiệp cử nhân kế toán, Ông làm kế toán tổng hợp cho Công ty CP Dầu Cá Châu Á từ năm 2016-2020. Từ tháng 09/2020 đến nay, Ông làm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- SL CP : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

b) Những thay đổi trong ban điều hành năm 2022

- Bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập Ông Đinh Văn Thép theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2022 ngày 10/04/2022.
- Bổ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc Ông Lê Thế Tùng theo Nghị Quyết số 401/2022/NQ-IDI ngày 01/04/2022.
- Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc Ông Phạm Đình Nam theo Nghị Quyết số 416/2022/NQ-IDI ngày 16/04/2022.

c) Nguồn nhân lực

Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân công ty IDI cuối năm 2022 là 3.620 người, trong đó số lượng cán bộ, nhân viên là 368 người, còn lại là lực lượng lao động trong các nhà máy, phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Năm 2022, công ty phục hồi hoạt động sản xuất nên lực lượng lao động tăng khoảng 2,1% so với năm 2021.

2.3- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2022**

Hiện tại Công ty đang đầu tư 2 dự án Bất động sản và đang tiến hành hoàn thành pháp lý, đồng thời giải phóng mặt các dự án này.

a-1) Dự án Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang: Với diện tích đầu tư gần 150ha, dự án này nằm trên trục đường chính và là khu đô thị trung tâm kết nối 2 thành phố lớn của An Giang là TP. Châu Đốc và TP. Long Xuyên.

Với quỹ đất sẵn có, thì hiện tại Công ty đang tiếp tục giải phóng mặt bằng và hoàn thiện pháp lý để sớm triển khai dự án này.

a-2) Dự án Thốt Nốt, Cần Thơ: Với quy mô dự án là 180ha, dự án này có các đặc điểm thuận lợi như sau:

• **Hưởng lợi từ các dự án phát triển về giao thông:** Vị trí tiếp giáp nhiều dự án giao thông trọng điểm cấp quốc gia như: Cao tốc Mỹ An – Cao Lãnh; Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; Cao tốc Châu Đốc – Sóc Trăng – Cần Thơ, Cầu Vàm Cống kết nối cầu Cao Lãnh đã đánh thức tiềm năng bất động sản những khu vực vệ tinh: Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Ô Môn là 4 huyện lỵ nằm trong quy hoạch phát triển hạ tầng khung kết nối với vùng đô thị lõi trung tâm TP Cần Thơ.

+ **Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi** (qua cầu Vàm Cống là một đoạn của tổng thể tuyến đường Hồ Chí Minh): Kết nối tuyến N2 chạy song song với cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận – Cần Thơ tạo thành 2 tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông và Tây đồng bằng sông Cửu Long.

+ **Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng:** Là tuyến giao thông trục ngang khu vực đồng bằng sông Cửu Long kết nối trung tâm TP Cần Thơ với các tỉnh, thành trong khu vực, TP Cần Thơ hưởng lợi hơn 50km giao thông từ tuyến cao tốc này.

+ **Quốc lộ 80:** Là tuyến đối ngoại ở phía Bắc TP Cần Thơ nối TP Cần Thơ với Kiên Giang và Đồng Tháp. Trục nối Quốc lộ 80 – Quốc lộ 91 gắn kết khu quy hoạch với các vùng kế cận. Hình thành mối liên hệ vận tải chính giữa khu quy hoạch với các quận, huyện và vùng lân cận.

+ **Cầu Vàm Cống** với chiều dài 2.970m, là cầu giằng dây bắt qua sông Hậu nối liền địa phận TP Cần Thơ với tỉnh Đồng Tháp. Cầu hoàn thành và đưa vào sử dụng là điều kiện hạ tầng giao thông quan trọng để kết nối giữa các tỉnh vùng ĐBSCL với TP Hồ Chí Minh và các địa phương khác trong cả nước.

+ **Cảng Tân cảng Thốt Nốt:** khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 2.000 tấn, sà lan 1.000 tấn có vai trò thu gom, tập kết, thông quan hàng hóa, xếp dỡ container hàng xuất khẩu, trọng tâm là ngành hàng gạo, thủy sản, thức ăn gia súc,...

***Tiềm năng thị trường bất động sản tại quận Thốt Nốt:** Thốt Nốt là quận cửa ngõ phía Tây Bắc của TP Cần Thơ nằm kế cận 3 tỉnh: An Giang, Đồng Tháp và Kiên Giang. Quận Thốt Nốt cách trung tâm TP. Cần Thơ 50 km, cách sân bay Cần Thơ 40 km.

Với những lợi thế trên, dự án này được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả đột biến đóng góp vào nguồn thu và và lợi nhuận của Công ty.

b) Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết

b-1 Công ty Mẹ

➤ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM)

- Vốn điều lệ : 3.365.267.520.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

(ĐVT: Tỷ đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	18.169	19.086	917	5,05%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.398	13.749	2.351	20,63%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	609	1045	436	71,59%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	786	1062	276	35,11%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	704	963	259	36,79%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.319	1.883	-436	-18,80%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2022)

b-2 Công ty con

➤ Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Tài Chính-ASTAR (Công ty con)

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
 - Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

(ĐVT: Tỷ đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	54,37	53,23	-1,14	-2,09%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	0,06	0,59	0,53	836,42%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1,83	-2,51	-0,68	37%
4	Lợi nhuận khác	-0,11	-0,52	-0,41	382,43%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1,94	-3,03	-1,09	57%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1,94	-3,03	-1,09	57%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-371	-580	-209,00	56%

(Nguồn: theo BCTC năm 2022)

➤ **Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco (Công ty con)**

+ Vốn điều lệ : 629.351.040.000 đồng.

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
- Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

(ĐVT: Tỷ đồng)

Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.626	1.753	127	7,81%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.260	2.995	735	32,52%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40	89	49	122,50%
4	Lợi nhuận khác	-0,36	-0,27	0,09	-25,47%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,46	88,67	49,21	124,71%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	34,66	80,10	45,44	131,10%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	753	1.433	680	90,31%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2022)

➤ **Công ty CP Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông (Công ty con)**

+ Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng.

+ Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, Đắk Nông.

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây cao su.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

(ĐVT: Tỷ đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	60,94	64,14	3,2	5,25%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(0,02)	(0,03)	(0,01)	50%
4	Lợi nhuận khác	-	-	-	-
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(0,02)	(0,03)	(0,01)	50%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(0,02)	(0,03)	(0,01)	50%

2.4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY IDI**a) Tình hình tài chính năm 2022**

(ĐVT: Tỷ đồng)

Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	7.554	8.084	530	7,02%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.719	7.931	2.212	38,68%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	159	586	427	268,55%
4	Lợi nhuận khác	22	32	10	45,45%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	181	618	437	241,44%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	143	563	420	293,71%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	591	2.404	1.813	306,77%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn:	1,27	0,99
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
<u>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)</u>	0,92	0,71
Nợ ngắn hạn		
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,55	0,68
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	3,92	5,64
<i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,83	0,98
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,17
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,07

2.5- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Cổ phần**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 227.644.608 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông được chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông**- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 15/03/2023 theo danh sách Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh gửi Công ty:

1	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	116.612.431	51,23%
	Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuận				
2	Nguyễn Thanh Hải	352349644	72 Trần Nhật Duật, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên – An Giang	12.000.000	5,27%
Tổng cộng:				128.612.431	56,50%

- Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	227.644.608	100%
+ Cổ đông lớn	128.612.431	56,50%
+ Cổ đông nhỏ	99.032.177	43,50%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	227.644.608	100%
+ Cổ đông tổ chức	119.349.282	52,43%
+ Cổ đông cá nhân	108.295.326	47,57%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:	227.644.608	100%
+ Cổ đông trong nước	226.008.785	99,28%
+ Cổ đông nước ngoài	1.635.823	0,72%
Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:	227.644.608	100%
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt (HDQT, Ban Giám đốc, BKS....)	12.159.856	5,34%
+ Cổ đông khác	215.484.752	94,66%

Nguồn: Theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 15/03/2023

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- **Đăng ký lần đầu:** Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- **Thay đổi lần 1:** Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- **Thay đổi lần 2:** Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- **Thay đổi lần 3:** Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 27/04/2018.
- **Tăng vốn lần 10:** Tăng từ 1.979.534.200.000 đồng lên 2.276.446.080.000 đồng, tăng thêm 296.911.880.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 29.691.188 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2019 ngày 25/04/2019.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

2.6-BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**a) Tác động lên môi trường**

- Tổng phát thải khí nhà kính: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

b) Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 2022 của Công ty IDI là 80.050 tấn cá nguyên liệu.



- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của công ty: Không có

c) Tiêu thụ năng lượng

+ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty trong năm 2022 là: 51.153.089 KW điện lưới quốc gia và 1.341.921 KW điện năng lượng mặt trời.

+ Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:

- Quản lý vận hành thiết bị điện năng tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí.
- Thay thế các thiết bị tiết kiệm điện năng như bóng đèn LED, gắn pin năng lượng mặt trời hấp thụ nhiệt năng ban ngày để chiếu sáng các bóng đèn bên trong và ngoài Công ty về ban đêm.
- Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1,06 MWH.

d) Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước được lấy từ nguồn giếng nước ngầm ở độ sâu 320m so với mặt đất và được đưa vào hệ thống lọc nước sạch trước khi đưa vào sử dụng. Năm 2022, Công ty sử dụng khoảng 800.000 m³ nước sạch.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Công ty không tái chế lượng nước đã sử dụng để đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

e) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

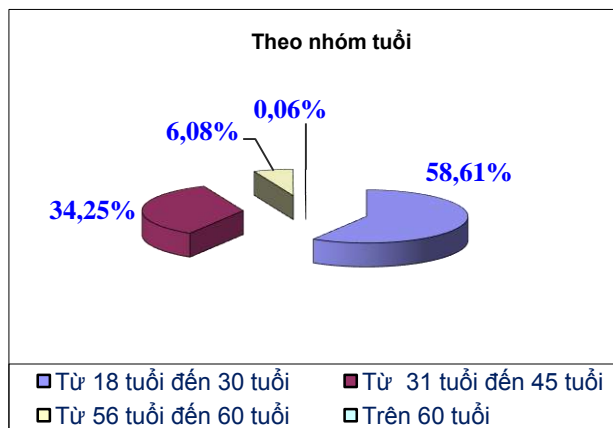
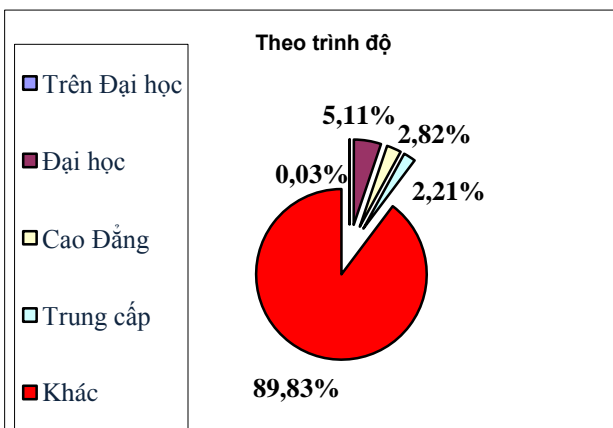
f) Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

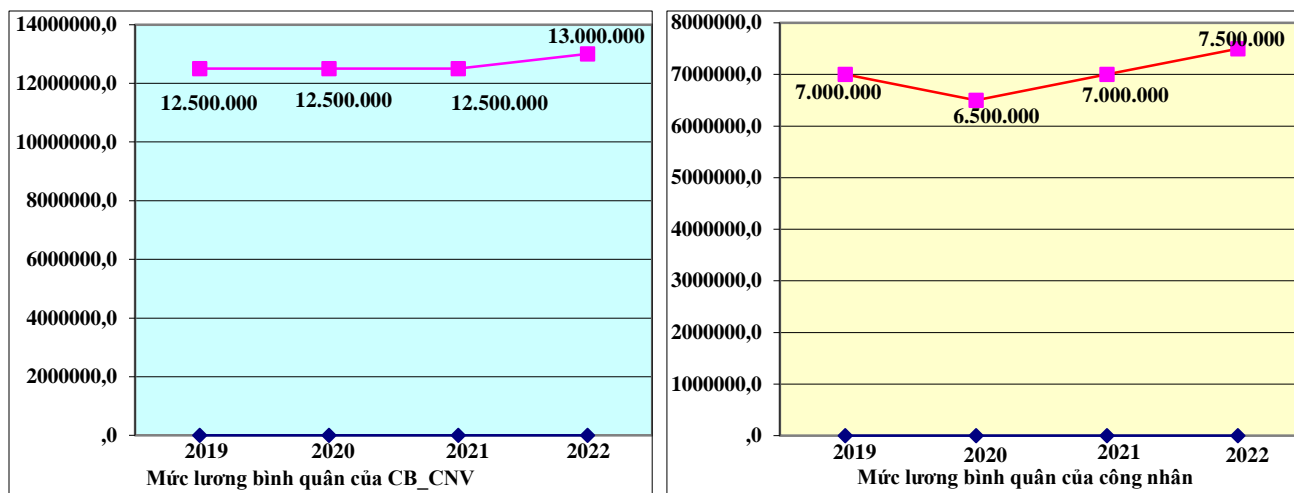
Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân công ty IDI cuối năm 2022 là 3.620 người.

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG (DVT: Người)

A	Theo trình độ	3.620	100%
1	Trên Đại học	1	0,03%
2	Đại học	185	5,11%
3	Cao Đẳng	102	2,82%
4	Trung cấp	80	2,21%
5	Khác	3.252	89,83%
B	Theo nhóm tuổi	3.620	100%
1	Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	2.158	59,61%
2	Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.240	34,25%
3	Từ 56 tuổi đến 60 tuổi	220	6,08%
4	Trên 60 tuổi	2	0,06%



Mức lương bình quân



Biểu đồ thể hiện mức lương của CB_CNV qua các năm gần đây

+ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- **Lương, thưởng và bảo hiểm, phúc lợi:** Luôn duy trì mức lương cho cán bộ, nhân viên cao hơn so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường. Nhằm thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ, nhân viên, mặt khác thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau và làm việc cho Công ty. Đồng thời thực hiện thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, Tết dương lịch, Tết âm lịch... Mỗi tháng công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định đề ra.

- CBCNV làm việc tại Công ty IDI đều được hưởng tháng lương thứ 13, được ghi nhận những thành tích đóng góp trong năm và có những phần thưởng xứng đáng.

- Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa, ăn chiều mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty luôn đa dạng, được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, đò, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của Công ty để mọi người an tâm làm việc.

- Các chính sách phúc lợi khác của Công ty

Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể, tổ chức cho cán bộ, công nhân viên cùng gia đình đi thăm quan, nghỉ mát... qua đó CBCNV cũng sẽ có cơ hội hiểu nhau hơn và phát huy được tinh thần làm việc nhóm hiệu quả hơn;

Thành lập Quỹ hỗ trợ cán bộ, nhân viên gặp khó khăn với mục đích trợ cấp, hỗ trợ (một lần hoặc lâu dài) cho những cán bộ, nhân viên và người thân trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như ngày sinh nhật, kết hôn, hay vào các dịp lễ: quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam, Tết trung thu, Tết nguyên đán...;

Tổ chức các khóa đào tạo về chuyên môn nhằm hoàn thiện các kỹ năng, khiến thúc đẩy ứng dụng được yêu cầu và thách thức trong công việc, có cơ hội tham gia các buổi huấn luyện thực tế được tổ chức thường xuyên để mọi người có thể trải nghiệm và học hỏi.

Khen thưởng

Cán bộ, công nhân viên có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

Tất cả những chính sách đãi ngộ phúc lợi được xây dựng hướng tới mục tiêu tạo động lực và thúc đẩy cán bộ nhân viên làm việc hết mình để khẳng định bản thân và phát triển sự nghiệp.

+ Hoạt động đào tạo người lao động

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, lao động trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

g) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.



h) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Do đặc thù về lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là về lĩnh vực nuôi trồng, chế biến, bảo quản và xuất khẩu thủy sản nên hiện tại Công ty chưa tiếp cận đến nguồn vốn thị trường xanh.

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**3.1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****a) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022**

Tổng số lượng hàng xuất bán (Tấn)	Tỷ lệ các sản phẩm bán ra trên khối lượng (gross)	Tổng doanh thu Xuất khẩu (USD)	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch 2022 Về doanh thu
51.029	* Fillets: 85 % * Sản phẩm khác từ cá tra: 15%	132.002.782	87%

Doanh số xuất khẩu năm 2022 của Công ty IDI đạt hơn 132 triệu USD, tăng 47% với năm 2021. Công ty vẫn tiếp tục duy trì các thị trường xuất khẩu truyền thống của mình như Trung Quốc (33,8% toàn thị phần), Mexico (chiếm 28,3% thị phần). Năm 2023 dự đoán giá cá tra có thể giảm về giá ổn định sau thời gian dài duy trì ở mức 31.000 đ/kg. Với lợi thế vùng nguyên liệu đảm bảo sản xuất, nguồn hàng dồi dào chi phối giá thành tốt sẵn có trong kho, thị trường xuất khẩu đa dạng, cùng với lực lượng lao động đã được bổ sung đầy đủ trong sản xuất, chắc chắn IDI sẽ tiếp tục gặt hái được những thành công mới trong năm 2023.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, cuộc xung đột Nga - Ukraine... đã đẩy giá năng lượng và hàng hóa cơ bản tăng cao, làm cho lạm phát không ngừng leo thang trong năm 2022. Lạm phát tăng và có xu hướng tiếp tục tăng nhanh, lập kỷ lục trong nhiều thập niên ở nhiều nước trong năm 2022. Để kìm hãm lạm phát tăng cao, các tổ chức tín dụng trên Thế giới đồng loạt tăng lãi suất cho vay, bóp chặt tiêu dùng, điều này đã làm cho tất cả các mặt hàng xuất nhập khẩu trên Toàn cầu bị ngưng trệ do nguồn Cung lớn hơn Cầu, và đây cũng chính là nguyên nhân khiến cho nguồn doanh thu xuất khẩu của Công ty chỉ đạt 87% so với kế hoạch đề ra.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được**b.1) Nguyên vật liệu:**

- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu và cả giới thượng lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở thượng lưu sông Mêkông cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít không hiệu quả, không có ý nghĩa thị trường.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.



b.2) Trình độ công nghệ

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

b.3) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2011, ASC, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắt khe nhất của thị trường thế giới.



b.4) Hoạt động Marketing

- Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức với các điều kiện an toàn cho phép. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản.



3.2- Tình hình tài chính**a) Phân tích tình hình tài sản**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng tài sản	7.494	7.714	7.554	8.084
Doanh thu thuần	6.341	7.732	6.367	5.719
Lợi nhuận trước thuế	353	121	181	618

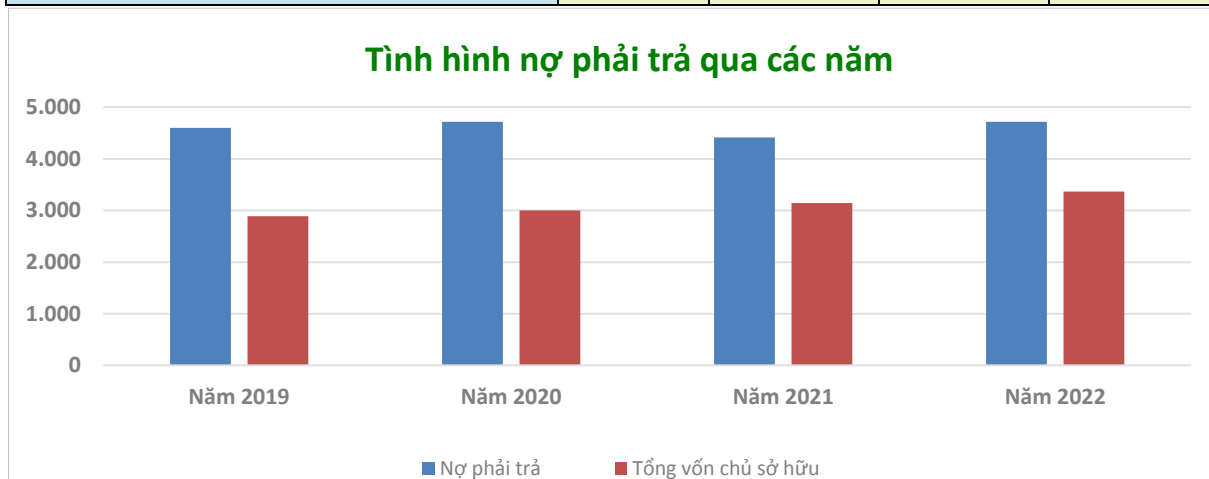
Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	84,62%	100,24%	84,28%	70,74%
Tỉ suất sinh lời tài sản (Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản)	4,71%	1,57%	2,40%	7,64%

Từ bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản qua các năm, ta thấy hiệu quả sử dụng 1 đồng tài sản của Công ty trung bình luôn đạt trên 70% doanh thu thuần. Năm 2022 hiệu quả sử dụng tài sản này thấp hơn các năm trước nhưng lại cho một kết quả tỉ suất sinh lời tài sản là 7,64%, cao nhất những năm gần đây. Điều này cho thấy các quyết định đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh và sử dụng tài sản của Công ty luôn chính xác và đạt hiệu quả cao.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Nợ phải trả	4.602	4.715	4.411	4.718
Tổng vốn chủ sở hữu	2.891	2.999	3.143	3.366
Tổng cộng nguồn vốn	7.494	7.714	7.554	8.084



Nợ phải trả năm 2022 của Công ty tăng 7% so với năm 2021. Nguyên nhân là do sau thời gian dài bị tác động mạnh mẽ bởi covid-19, năm 2022 tình hình kinh tế Thế giới có chuyển biến khởi sắc trở lại nên Công ty đã quyết định tăng huy động vốn vay lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn cam kết sử dụng có hiệu quả nhất đối với từng đồng vốn đi vay và thực hiện thanh toán đúng thời hạn ký kết trên các hợp đồng kinh tế với khách hàng, cũng như thanh toán đúng thời hạn trên các khế ước nhận nợ của các tổ chức tín dụng, ngân hàng nên chưa từng xảy ra tình trạng nợ phải trả quá hạn.

3.3- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023: (kế hoạch kinh doanh riêng Công ty mẹ)

- Kinh doanh cá tra Fillet xuất khẩu.

- Giữ vững khách hàng và thị phần của công ty, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng, tích cực phát triển thị trường mới.

- Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của công ty đạt mức khoảng 135 triệu USD và đạt lợi nhuận sau thuế là khoảng 90 tỷ đồng.

- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.

- Phân đầu nâng thứ hạng của công ty IDI lên top 2 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

- Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2023:

DVT: Tấn

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	634	1.163	211	106	423	141	141	2.819
2	976	1.789	326	162	650	217	217	4.337
3	976	1.789	326	162	650	217	217	4.337
4	976	1.789	326	162	650	217	217	4.337
5	814	1.952	326	162	650	217	217	4.338
6	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
7	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
8	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
9	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
10	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
11	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
12	878	1.610	293	146	586	195	195	3.903
Tổng	9.277	19.752	3.419	1.704	6.831	2.275	2.275	45.533

- Doanh thu xuất khẩu theo kế hoạch năm 2023:

(Đvt : USD)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	2.345.800	3.721.600	633.000	275.600	930.600	260.850	246.750	8.414.200
2	3.611.200	5.724.800	978.000	421.200	1.430.000	401.450	379.750	12.946.400
3	3.611.200	5.724.800	978.000	421.200	1.430.000	401.450	379.750	12.946.400
4	3.611.200	5.724.800	978.000	421.200	1.430.000	401.450	379.750	12.946.400
5	3.011.800	6.246.400	978.000	421.200	1.430.000	401.450	379.750	12.868.600
6	2.556.700	5.308.800	831.000	358.800	1.216.600	340.400	322.000	10.934.300
7	2.556.700	5.308.800	831.000	358.800	1.216.600	340.400	322.000	10.934.300
8	2.556.700	5.308.800	831.000	358.800	1.216.600	340.400	322.000	10.934.300
9	2.405.000	4.995.200	780.000	338.000	1.146.200	320.050	302.750	10.287.200
10	2.405.000	4.995.200	780.000	338.000	1.146.200	320.050	302.750	10.287.200
11	2.405.000	4.995.200	780.000	338.000	1.146.200	320.050	302.750	10.287.200
12	3.248.600	5.152.000	879.000	379.600	1.289.200	360.750	341.250	11.650.400
Tổng	34.324.900	63.206.400	10.257.000	4.430.400	15.028.200	4.208.750	3.981.250	135.436.900

- Kế hoạch sản xuất năm 2023:

(Đvt: Tấn)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	637	1.168	212	106	425	142	142	2.832
2	980	1.796	327	163	653	218	218	4.355
3	980	1.796	327	163	653	218	218	4.355
4	980	1.796	327	163	653	218	218	4.355
5	817	1.960	327	163	653	218	218	4.356
6	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
7	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
8	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
9	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
10	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
11	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
12	882	1.617	294	147	588	196	196	3.920
Tổng	9.317	19.835	3.431	1.715	6.859	2.287	2.287	45.731

- Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	3.686	1.985	5.671
2	5.669	3.052	8.721
3	5.669	3.052	8.721
4	5.669	3.052	8.721
5	5.233	3.488	8.721
6	4.448	2.965	7.413
7	4.448	2.965	7.413
8	4.448	2.965	7.413
9	4.186	2.791	6.977
10	4.186	2.791	6.977
11	4.186	2.791	6.977
12	5.103	2.748	7.851
Tổng	56.931	34.645	91.576

- Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ trong năm 2023 (đvt: tấn)

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	2.300	8.200	10.500
2	2.300	8.200	10.500
3	2.300	8.200	10.500
4	2.200	8.300	10.500
5	2.200	8.300	10.500
6	2.100	8.400	10.500
7	2.100	8.900	11.000
8	2.100	8.900	11.000
9	2.100	8.900	11.000
10	2.000	9.000	11.000
11	2.000	9.000	11.000
12	2.000	9.397	11.397
Tổng	25.700	103.697	129.397

- Dự kiến giá bán thức ăn tiêu thụ trong năm 2023

Loại thức ăn	Đồng/kg
Thức ăn 3 ly 28% đạm	14.450
Thức ăn 5 ly 26% đạm	13.200

- Dự báo doanh thu từ kinh doanh thức ăn trong năm 2023: (đvt: Tỷ đồng)

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	33	108	141
2	33	108	141
3	33	108	141
4	32	110	141
5	32	110	141
6	30	111	141
7	30	117	148
8	30	117	148
9	30	117	148
10	29	119	148
11	29	119	148
12	29	124	153
Tổng	371	1.369	1.740

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	BCTC 2021 Hợp nhất	Kế hoạch 2022			Tổng cộng hợp nhất kế hoạch 2022
		Cá tra Fillet	Thức ăn thủy sản	Trisedco	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.931	3.897,5	1.740,2	2.495,8	8.133,5
2. Giá vốn hàng bán	6.833	3.593,5	1.615,9	2.378,8	7.588,3
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.098	304,0	124,3	117,0	545,2
4. Doanh thu hoạt động tài chính	167	150,5	34,3	39,6	224,5
5. Chi phí tài chính	303	125,4	45,3	72,2	242,8
6. Chi phí bán hàng	308	170,7	62,4	10,2	243,2
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	62	57,5	21,5	7,7	86,7
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	592	101,0	29,4	66,5	197,0
9. Thu nhập khác	39	10,9	1,7	0,0	12,6
10. Chi phí khác	9	5,2	1,0	0,2	6,5
11. Lợi nhuận khác	30	5,6	0,7	(0,2)	6,1
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	63	16,4	-	0,2	16,6
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	559	90,3	30,1	66,0	186,4



3.4- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**a. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải****a.1. Xử lý nước thải**

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (Công ty IDI) có 01 công trình xử lý nước thải công suất thiết kế 3.000m³/ngày.đêm, quy trình xử lý và quy mô công suất không thay đổi so với trước đây. Hiện tại hệ thống xử lý nước thải Công ty IDI đang tiếp nhận và xử lý nước thải từ 04 Nhà máy trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống với lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày như sau:

- Nước thải từ hai Nhà máy trực thuộc Công ty IDI gồm:
 - + Nhà máy CB đông lạnh XK thủy sản Đa Quốc Gia (NM số 1): 800m³/ngày.đêm
 - + Nhà máy CB đông lạnh XK thủy hải sản Sạch (NM số 2): 640m³/ngày.đêm
- Nước thải từ hai Nhà máy trực thuộc Công ty TRISEDICO gồm:
 - + Nhà máy chế biến Bột cá – Mỡ cá Trisedco: 55m³/ngày.đêm
 - + Nhà máy chế biến Dầu Ăn: 22m³/ngày.đêm.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2022: 421.600 m³/năm (Bình quân khoảng 1.517m³/ngày.đêm). Và năm gần nhất 2021: 372.290 m³/năm (Bình quân khoảng 1.298m³/ngày.đêm).

- Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường: 810.000 m³ (tương đương 2.700m³/ngày.đêm).

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Hiện tại hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang được vận hành liên tục và hoạt động ổn định đáp ứng tốt việc xử lý nước thải phát sinh từ 4 Nhà máy sản xuất nêu trên.

Căn cứ vào kết quả quan trắc phân tích mẫu nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý nước thải cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm dưới ngưỡng cho phép theo QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

a.2. Kết quả quan trắc nước thải

Tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc (quan trắc định kỳ).

a.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải**a.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp**

- Thời gian quan trắc: 04 đợt ngày 21/3/2022; 24/5/2022; 30/08/2022 và 10/11/2022.
- Tần suất quan trắc: là 03 tháng/lần
- Vị trí các điểm quan trắc: 05 vị trí, gồm:
 - + Tại mương gom nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải
 - + Tại hồ thu mẫu nước thải sau xử lý
 - + Tại công xả trước khi xả thải ra môi trường
 - + Tại vị trí cách công xả thải 0,3km về phía thượng nguồn
 - + Tại vị trí cách công xả thải 0,3km về phía hạ nguồn
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 5 mẫu/đợt x 4 đợt = 20 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):
 - + Nước thải trước và sau xử lý: QCVN11-MT:2015/BTNMT, Cột A;
 - + Nước mặt nguồn tiếp nhận sau xử lý: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (trực thuộc Sở

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có):

Bảng 1.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Khu vực Trạm xử lý nước thải							
a	Điểm quan trắc 2	T.HTM-SXL	24/5/2022	553631	1143045	Tổng nitơ (tính theo N)	20,86	20
2	Khu vực xả thải (Sông Hậu)							
a	Điểm quan trắc 1	T. CXT	21/3/2022	553610	1143100	Amoni	0,33	0,3
			24/5/2022	553606	1143032	Phosphat (P)	4,59	≥5
			30/08/2022	553699	1143131	BOD ₅ TSS	10 79	6 30
b	Điểm quan trắc 2	Tr. CXT	21/3/2022	553612	1143117	BOD ₅ Amoni (N)	7 0,75	6 0,3
			30/08/2022	553612	1143117	BOD ₅ TSS	9 78	6 30
			10/11/2022	553687	1143325	TSS	33	30
c	Điểm quan trắc 3	S. CXT	21/3/2022	553610	1143151	Amoni	0,71	0,3
			30/08/2022	553610	1143151	BOD ₅ TSS	10 75	6 30
			10/11/2022	553756	1142791	TSS	31	30

Ghi chú:

- T.HTM-SXL: Tại hồ thu mẫu nước thải sau xử lý
- T. CXT: Tại công xả khi xả thải ra môi trường
- Tr. CXT: Tại vị trí cách công xả thải 0,3km về phía thượng nguồn
- S. CXT: Tại vị trí cách công xả thải 0,3km về phía hạ nguồn
- Giá trị QCVN: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

+ Đối với nước thải sau xử lý của Công ty kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc trong năm 2022 các thông số hầu hết đều đạt theo QCVN11-MT: 2015/BTNMT, Cột A. Tuy nhiên chỉ ở đợt quan trắc ngày 24/5/2022, chỉ tiêu Tổng nitơ (tính theo N) của nước thải sau xử lý vượt nhẹ 1,043 lần (20,86/20) so với QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, Cột A. Công ty đã khắc phục như tăng cường hoạt động khuấy trộn của bể Anoxic, kết quả chỉ tiêu Tổng nitơ (tính theo N) ở các đợt quan trắc ngày 30/08/2022 và 10/11/2022 đều đạt so với QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

+ Đối với nước mặt quan trắc tại 03 điểm trong lưu vực xả thải là: tại công xả thải, cách công xả thải 0,3km về phía thượng nguồn và cách công xả thải 0,3km về phía hạ nguồn Sông Hậu. Kết quả quan trắc nước mặt trong lưu vực xả thải có một số thông số môi trường vượt ngưỡng quy định theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2.

a.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động (chưa lắp đặt)

b. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

b.1. Xử lý khí thải

- Công ty không có công trình phát sinh khí thải ra môi trường.

b.2. Kết quả quan trắc khí thải

b.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

- Thời gian quan trắc: 04 đợt ngày 21/3/2022; 24/5/2022; 30/08/2022 và 10/11/2022.

- Tần suất quan trắc: là 03 tháng/lần

- Vị trí các điểm quan trắc: 03 vị trí, gồm:

- + Tại vị trí công bảo vệ của công ty.
- + Tại vị trí phân xưởng chính nhà máy.
- + Tại vị trí khu cấp đông nhà máy.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 3 mẫu/đợt x 4 đợt = 12 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):

- + QCVN 05:2013/BTNMT;
- + QCVN 26:2010/BTNMT;
- + QCVN 03:2019/BYT;

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (trực thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường Đồng Tháp); Số Vimcerts: 109.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: không

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Chất lượng không khí tại các khu vực của Công ty qua kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc năm 2022 cho thấy các thông số hầu hết đều đạt theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

b.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục: (không)

c. Về quản lý chất thải rắn thông thường

c.1 Nhà máy CB đông lạnh xuất khẩu thủy sản Đa Quốc Gia (Nhà máy số 1):

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác thải	504.000	DOWASEN – Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	504.000
	Tổng cộng	504.000		504.000

Thống kê CTCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa	25.907.454	Công ty TNHH MTV Kiểm định và đầu tư Toàn Cầu	18.328.085
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	432.505	Đoàn Thị Xuân Mai Số: 31/3, Bùi Văn Danh, Long Xuyên, An Giang	225.362
	Tổng cộng	26.339.959		18.553.447

c.2 Nhà máy CB đông lạnh xuất khẩu thủy sản Đa Quốc Gia (Nhà máy số 2):

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác thải	336.000	DOWASEN – CN Dịch vụ Môi trường	336.000
	Tổng cộng	336.000		336.000

Thống kê CTCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa	17.271.636	Công ty TNHH MTV Kiểm định và đầu tư Toàn Cầu	12.218.724
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	288.337	Đoàn Thị Xuân Mai Số: 31/3, Bùi Văn Danh, Long Xuyên, An Giang	150.242
	Tổng cộng	17.559.973		12.368.966

d. Về quản lý chất thải nguy hại:

d.1 Nhà máy CB đông lạnh xuất khẩu thủy sản Đa Quốc Gia (Nhà máy số 1):

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	58,8	PT-HR	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp HCM	33
Giẻ lau, găng tay nhiễm các TPNH	18 02 01	105	TĐ-HR		18
Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	144	TĐ-HR	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp HCM	114,6
Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	12	TĐ-HR		7,2
Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng tại trạm cấp nước	12 06 01	42	TĐ-HR		39
Bùn thải có chứa các TPNH từ quá	12 06 06	1.710	TĐ-HR		2.003

trình xử lý nước thải công nghiệp					
Tổng số lượng		2.071,8			2.214,8

(i) Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không

d.2 Nhà máy CB đông lạnh xuất khẩu thủy sản Đa Quốc Gia (Nhà máy số 2):

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	39,2	PT-HR	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp HCM	22
Giẻ lau, găng tay nhiễm các TPNH	18 02 01	70	TĐ-HR		12
Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	96	TĐ-HR		76,4
Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	8	TĐ-HR		4,8
Tổng số lượng		213,2			115,2

(i) Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

+ Trong hoạt động sản xuất của các nhà máy phát sinh chất thải nguy hại, công ty cho thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại của công ty.

+ Trong kỳ tới công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM định kỳ 06 tháng/ lần thu gom về xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

e. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Trong suốt thời gian qua cho tới nay Công ty IDI không bị sự cố Môi trường nào.

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**4.1- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty**

- **Tình hình vùng nuôi:** Đã thực hiện tốt công tác giám sát chặt chẽ sức khỏe và tình hình phát triển của cá tra nguyên liệu. Đảm bảo cung cấp đạt trên 85% nhu cầu sản xuất của Công ty.

- **Tình hình thu mua nguyên liệu:** Luôn cập nhật giá cá nguyên liệu biến động hàng ngày để có thể chốt được giá liên kết hợp lý nhất. Cân đối linh hoạt việc thu mua nguyên liệu giá thấp trên thị trường để đáp ứng đủ các đơn hàng xuất khẩu.

- **Tình hình phát triển thị trường:** Luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng để duy trì khách hàng cũ, khách hàng tiềm năng, đồng thời vẫn tìm kiếm thị trường mới nên các sản phẩm của Công ty vẫn đi đến 51 quốc gia trên Thế giới trong năm 2022.

- **Về tác động môi trường:** Công ty có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau như luôn đảm bảo xử lý nước thải theo đúng quy định, thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường trong và ngoài nhà máy sản xuất, thuê công ty thu gom xử lý rác thải thường xuyên vào Công ty xử lý rác thải, tích cực trồng thêm nhiều cây xanh dọc đường đi, xung quanh nhà các nhà máy, trụ sở làm việc và khuôn viên... Bên cạnh đó, Công ty đã lắp đặt được 1,06MW năng lượng điện mặt trời áp mái, gắn trên mái các nhà máy, kho xưởng, tòa nhà văn phòng, giúp thay thế một phần sử dụng điện lưới quốc gia.

- **Về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:** Mục tiêu và phương hướng hoạt động của Công ty IDI là phát triển bền vững, đồng thời thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Công ty luôn quan tâm đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Công ty cũng đã có nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa và đặc biệt là tinh thần “tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách” được thực hiện ngay trong nội bộ IDI, những hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong Công ty đều được tất cả các CB-CNV hỗ trợ, giúp đỡ.

4.2- Đánh giá về hoạt động của Ban tổng giám đốc:

Dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc, Ban tổng giám đốc Công ty IDI đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, nhanh chóng và kịp thời để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2022, Ban tổng giám đốc đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, cụ thể:

- **Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:** Đã thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2022 theo đúng định hướng đề ra, giúp cho doanh thu xuất khẩu của Công ty năm 2022 đạt được 146% kế hoạch đề ra. Đây là kết quả đáng được ghi nhận, vì nó thể hiện tinh thần đoàn kết và nỗ lực phấn đấu không ngừng nghỉ của tập thể gần 4.000 CB-CNV Công ty IDI.

- **Về công tác nhân sự:** Luôn đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trước, trong và sau khi giãn cách xã hội. Luôn gắn kết tập thể, đồng thời tạo môi trường quản lý tốt, hiệu quả, giúp CB-CNV đều có thể phát huy các sáng kiến, sáng tạo và vui vẻ trong công việc.

- **Về đảm bảo nguồn tài chính:** Ban tổng giám đốc đã cân đối tương đối tốt nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để đáp ứng sản xuất và duy trì trả nợ đúng hạn các nguồn vốn vay nên Công ty luôn đạt tín nhiệm cao trên danh sách theo dõi của các tổ chức tín dụng.

5.1- Hội đồng quản trị : Gồm có 04 thành viên:



Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT

- Các chức danh tại công ty khác: TV.HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, TGD Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính.
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/3/1958
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cp, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai sở hữu là: 116.612.431 cổ phần, chiếm 51,23% vốn điều lệ.



Ông Lê Văn Chung – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Các chức danh tại công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản.
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Số lượng cổ phần sở hữu : 148.787 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.



Ông Tống Phi Hùng – Thành viên HĐQT độc lập

- Các chức danh tại công ty khác: Không có
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1958
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cp, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Đinh Văn Thép – Thành viên HĐQT độc lập

- Các chức danh tại công ty khác: Không có
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/01/1961
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cp, chiếm 0% vốn điều lệ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2022, hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 22 cuộc họp hội đồng quản trị.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2022.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX).



Các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc



5.2- Ban kiểm toán nội bộ

a) Các thành viên

a-1. Bà Lê Thị Phương – Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1980
- Địa chỉ thường trú : 72 Trần Nhật Duật – Mỹ Long - Long Xuyên - An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

a-2. Bà Ngô Thị Tố Ngân – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1981
- Địa chỉ thường trú : 80F1 Mai Hắc Đế, P.Bình Khánh, Tp.Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

a-3. Ông Lê Hoàng Cường – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 44 Kênh 8 - Xã Thạnh Đông A, –Tân Hiệp - Kiên Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

b) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp để trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và kiểm soát dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.

5.3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích**a) Thù lao HĐQT và tiền lương của Ban giám đốc Công ty trong năm 2022**

Thù lao Hội đồng quản trị	Chức vụ	720.000.000
Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch	360.000.000
Lê Văn Chung	Phó chủ tịch	120.000.000
Tổng Phi Hùng	Thành viên	120.000.000
Đình Văn Thép	Thành viên	120.000.000
Tiền lương ban Tổng giám đốc	Chức vụ	3.793.027.943
Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc	830.248.875
Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc	190.000.000
Lê Văn Cảnh	P.Tổng Giám đốc	696.554.969
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	575.765.958
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	687.584.948
Lê Thế Tùng	P.Tổng Giám đốc	534.858.150
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	278.015.043

Các khoản lợi ích khác: Không có

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2022:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Đình Nam	Phó Tổng Giám Đốc	240.458	0,11%	458	0,00%	Giải quyết nhu cầu cá nhân
2	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám Đốc	10.000.000	4,39%	12.000.000	5,27%	Tăng tỷ lệ sở hữu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2022 Công ty cơ bản đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty theo nghị định 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017.

- HĐQT đã xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động sản xuất, chính sách rủi ro, nguồn tài chính và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của công ty.

- Giám sát hiệu quả các thực tiễn quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.

- Đưa ra mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị phù hợp với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.

- Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng Quản trị.

- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.

- Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin. Luôn cung cấp thông tin chính xác và kịp thời tới các cơ quan có liên quan và toàn thể cổ đông của Công ty.

VI/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

6.1- Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần.

6.2- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 56

SỐ 314
 CÔNG
 S PHÊN
 VÀ PHÁT
 1 QUỐC
 * * *
 10 - T

IDI
 CÔNG
 THỊ
 CH VỤ
 CHỈNH
 VÀ KIỂM
 PHÁ
 1 - 12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: **2.276.446.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Cấu trúc Công ty**Công ty con****- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

+ Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ: 629.351.040.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 79,25%

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương-P. Mỹ Long-Tp. Long Xuyên An Giang

+ Vốn điều lệ: 52.168.970.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 75,35%

- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh An Đắc Nông (*)

+ Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Bu Tưng, X. Ea Pô, H. Cư Jút, Đắk Nông.

+ Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,50%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 97,50%

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh An Đắc Nông là công ty con kể từ ngày 23/09/2022 theo các Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 23/09/2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cỏng, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận
 Ông: Lê Văn Chung
 Ông: Tống Phi Hùng
 Ông: Đinh Văn Thế

Chủ tịch
 Phó chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên

Bổ nhiệm ngày 10/04/2022



Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Chung
 Ông: Phạm Đình Nam
 Ông: Lê Văn Cảnh
 Ông: Nguyễn Thanh Hải
 Bà: Võ Thị Minh Tâm
 Ông: Lê Thế Tùng

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

M bổ nhiệm ngày 18/04/2022

Bổ nhiệm ngày 01/04/2022



Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà: Lê Thị Phương
 Bà: Ngô Thị Tố Ngân
 Ông: Lê Hoàng Cường

Trưởng ban
 Ủy viên
 Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Chung

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Đức Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS) thực hiện công tác kiểm toán BCTC này.

CÔNG BÒ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty -

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 245 /BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia LD.I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia LD.I được lập ngày 24 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phụ Tổng giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2023-142-1



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.449.762.497.936	5.515.277.880.694
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	640.790.543.399	357.187.445.214
111	1. Tiền		352.490.543.399	327.187.445.214
112	2. Các khoản tương đương tiền		288.300.000.000	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	681.061.210.467	1.167.289.827.432
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		681.061.210.467	1.167.289.827.432
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.549.814.119.959	2.669.944.046.428
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.396.041.943.918	1.406.647.699.945
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.099.781.816.700	1.208.011.051.922
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.04		31.501.207.743
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	110.907.979.281	80.701.707.931
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(56.917.619.940)	(56.917.619.940)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	1.535.483.350.524	1.278.604.020.897
141	1. Hàng tồn kho		1.535.790.471.419	1.278.604.020.897
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(307.120.895)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.613.273.587	42.252.540.636
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.13	2.248.358.236	2.069.316.264
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		40.362.605.956	40.180.914.977
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	2.309.395	2.309.395
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.634.345.839.921	2.038.580.631.974
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		354.764.339.835	23.131.067.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.04	334.400.000.000	
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	20.364.339.835	23.131.067.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		1.000.208.317.841	1.086.841.087.505
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	617.922.499.071	654.052.262.841
222	- Nguyên giá		1.182.867.397.600	1.139.892.533.751
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(564.944.898.529)	(485.840.270.909)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	231.594.347.254	240.662.640.281
225	- Nguyên giá		313.607.496.533	301.438.136.023
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(82.013.149.279)	(60.775.495.742)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	150.691.471.516	192.126.184.379
228	- Nguyên giá		175.550.864.651	213.337.294.642
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(24.859.393.135)	(21.211.110.263)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	261.507.506.045	137.491.392.125
231	- Nguyên giá		323.234.235.576	198.711.243.949
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(61.726.729.531)	(61.219.851.824)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	584.553.470.377	672.995.319.963
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		584.553.470.377	672.995.319.963
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	113.310.000.000	111.310.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		113.310.000.000	111.310.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		320.002.205.823	6.811.765.379
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	3.077.554.373	6.677.839.938
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			133.925.441
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.14	316.924.651.450	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.084.108.337.857	7.553.858.512.578

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.717.688.380.686	4.411.250.204.274
310	I. Nợ ngắn hạn		4.524.450.645.218	4.115.887.461.968
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	374.513.815.731	243.015.497.073
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		140.131.403.033	153.089.451.388
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	62.186.692.907	22.555.682.313
314	4. Phải trả người lao động		29.346.329.835	23.846.776.336
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	1.636.007.346	1.771.796.816
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20	105.929.192	105.929.192
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	22.531.480.197	16.481.855.210
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	3.881.490.463.100	3.644.511.949.758
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.508.523.877	10.508.523.877
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		193.237.735.468	295.362.742.313
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15	193.237.735.468	295.362.742.313
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	3.366.419.957.171	3.142.608.309.304
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.356.156.572.071	3.134.978.257.104
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		196.813.460.000	62.649.640.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		55.479.155.557	47.479.155.557
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		8.549.068.918	8.549.068.918
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.549.068.918	8.549.068.918
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		621.485.064.349	559.760.134.260
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		74.129.402.260	423.129.186.154
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		547.355.662.089	136.630.948.106
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		171.773.974.329	154.484.439.451
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		10.263.385.100	7.630.021.200
431	1. Nguồn kinh phí		10.263.385.100	7.630.021.200
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.084.108.337.857	7.553.858.512.578

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG



VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL01	7.936.928.513.112	5.722.220.126.875
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VL02	6.404.304.645	3.372.510.887
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.930.524.208.467	5.718.847.615.988
11	4. Giá vốn hàng bán	VL03	6.835.567.554.995	5.208.339.029.262
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.094.956.653.472	510.508.586.726
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL04	167.318.537.259	95.805.081.543
22	7. Chi phí tài chính	VL05	307.601.671.877	237.434.596.728
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		233.160.673.966	226.069.269.413
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VL06.01	307.901.991.808	172.120.430.245
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL06.02	60.985.184.872	37.983.524.232
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		585.786.342.174	158.775.117.064
31	11. Thu nhập khác	VL07	38.859.099.335	30.664.463.986
32	12. Chi phí khác	VL08	6.772.514.702	8.329.767.478
40	13. Lợi nhuận khác		32.086.584.633	22.334.696.508
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		617.872.926.807	181.109.813.572
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VL10	54.592.562.757	37.811.965.075
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VL11	133.925.441	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		563.146.438.609	143.297.848.497
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		547.355.662.089	136.630.948.106
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		15.790.776.520	6.666.900.391
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL12	2.404	591
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VL13	2.404	591

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Người lập biên



VU THI LỆ

Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Thủy Hải Ban Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		617.872.926.807	181.109.813.572
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		118.782.143.956	124.345.439.489
03	- Các khoản dự phòng		307.120.895	(50.384.386.370)
04	- Lợi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.372.869.007	4.177.107.500
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(139.454.780.525)	(73.563.674.435)
06	- Chi phí lãi vay		233.160.673.966	226.069.269.935
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		840.040.954.106	411.753.569.691
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.733.249.705	(235.556.697.263)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(238.507.819.014)	278.806.692.752
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		133.218.431.429	40.037.411.338
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		24.336.707.159	(2.408.137.507)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(232.238.842.134)	(228.170.344.201)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.747.527.598)	(10.615.012.768)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.633.363.900	894.366.700
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(100.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		530.468.517.553	254.641.848.742
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(261.830.776.446)	(248.596.831.057)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		291.387.284.605	236.685.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.753.601.000.000)	(2.113.941.191.018)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.934.930.824.708	1.969.895.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(392.056.472.222)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		122.052.383.339	74.855.328.804
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(59.117.756.016)	(81.102.693.271)

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		8.381.427.579.785	9.054.995.044.805
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(8.213.660.621.575)	(9.349.967.001.099)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(57.369.878.708)	(60.873.003.882)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(333.293.876.045)	(79.049.209)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(222.896.796.543)	(355.924.009.385)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		248.453.964.994	(182.384.853.914)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		387.842.116.684	539.329.706.491
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.494.461.721	242.592.727
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		640.790.543.399	357.187.445.214

Đông Tháp, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


VŨ THỊ LỆ

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

LÊ VĂN CHUNG


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: **2.276.446.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà, Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Cấu trúc Công ty**

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con	: 03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	: 03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	72,80%	75,35%	75,35%
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đất Nông (*)	Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Ea Pô, H. Cư Jút, Đắk Nông	97,50%		97,50%	

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đất Nông là công ty con kể từ ngày 23/09/2022 theo các Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 23/09/2022

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL.Đỗ, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vó, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

12/20
 TỶ
 ĐẦU TƯ
 PHÁT
 TRIỂN
 ĐA QUỐC
 GIA IDI
 *
 CÔNG TY
 TNHH
 CHỨNG TỪ
 CHỮ KÝ
 VÀ KIỂM TO
 PHÍA NAM
 T. PHÚC



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**Đơn vị tính: VND*

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đã được cho từng loại chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tồn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi bằng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tồn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tồn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lên thò tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuế tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuế tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuế tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuế tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuế tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuế khi thời hạn thuế ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị tính: VND

10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ..., chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phân ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quy.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cần nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành ở nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị tính: VND

18 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính; chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ-hao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.

22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

26. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính " kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không liên công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trung tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

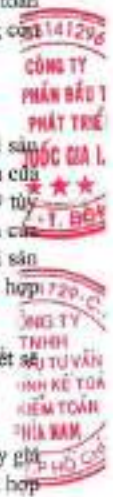
e. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.596.149.044	1.545.129.854
Tiền gửi không kỳ hạn	349.894.394.355	325.642.315.360
Các khoản tương đương tiền	288.300.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	288.300.000.000	30.000.000.000
Cộng	640.790.543.399	357.187.445.214



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh: Không có

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	681.061.210.467	681.061.210.467	1.167.289.827.432	1.167.289.827.432
- Tiền gửi có kỳ hạn	681.061.210.467	681.061.210.467	1.167.289.827.432	1.167.289.827.432
b2) Dài hạn	113.310.000.000	113.310.000.000	111.310.000.000	111.310.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
- Trái phiếu (*)	3.310.000.000	3.310.000.000	1.310.000.000	1.310.000.000
Cộng	794.371.210.467	794.371.210.467	1.278.599.827.432	1.278.599.827.432

(*) Trái phiếu (TP) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số lượng: 131 TP, mệnh giá: 10.000.000 đồng/TP; 2 TP, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/TP; Lãi suất, kỳ hạn, ngày phát hành, ngày đáo hạn, phương thức trả lãi được quy định rõ trong từng Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Không có

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cỏ, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.396.041.943.918	1.406.647.698.769
Bên khác	1.395.962.847.565	1.247.579.212.416
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	135.924.719.817	216.217.551.232
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	354.337.434.353	271.776.742.674
+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	189.865.317.660	186.509.921.660
+ Đối tượng khác	715.835.375.735	573.074.996.850
Bên liên quan	79.096.353	159.068.486.353
+ Công ty TNHH Sao Mai SUPER FEED		144.137.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	79.096.353	13.322.578.353
+ Công ty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản		1.608.908.000
b) Dài hạn		
Cộng	1.396.041.943.918	1.406.647.698.769

04. PHẢI THU VÉ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		31.501.207.743
Bên liên quan		31.501.207.743
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		31.501.207.743
b) Dài hạn	334.400.000.000	
Bên liên quan	334.400.000.000	
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	334.400.000.000	
Cộng	334.400.000.000	31.501.207.743

Ghi chú:

Hợp đồng vay vốn số 05.2021/HĐCVV/2022 ngày 04/01/2022 và Phụ lục HD số 06.2021/PLCVV/2022, ngày 20/09/2022, thời hạn cho vay trên 12 tháng, lãi suất thay đổi tùy thuộc vào từng thời điểm. Và theo hợp đồng cho vay số 01.HĐCVV/2022 ngày 03/01/2022 và phụ lục số 01 ngày 01/11/2022, thời hạn cho vay trên 12 tháng, lãi suất áp dụng 10%/năm.

05. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	110.907.979.281	(528.000.000)	80.701.707.931	(528.000.000)
Tạm ứng	69.155.692.117		35.303.615.698	
Phải thu khác	41.752.287.164	(528.000.000)	45.398.092.233	(528.000.000)
Bên khác	41.752.287.164			
+ Cty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	6.414.221.939		5.656.147.111	
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - Hoàn thuế	9.765.382.177		19.600.000.000	
+ Đối tượng khác	25.572.683.048	(528.000.000)	20.141.945.122	(528.000.000)
b) Dài hạn	20.364.339.835		23.131.067.000	
Ký cược, ký quỹ	20.364.339.835		23.131.067.000	
Cộng	131.272.319.116	(528.000.000)	103.832.774.931	(528.000.000)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

06 . NỢ XẤU**1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.467.468.250		9.467.468.250	
+ Alfredo Foods	9.073.064.061		9.073.064.061	
+ Alliance Seafood Group	9.107.273.406		9.107.273.406	
+ Lapson International Trading Ltd	6.885.734.871		6.885.734.871	
+ Sarf Globe Alliance	7.104.351.914		7.104.351.914	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.554.141.866		6.554.141.866	
+ Đối tượng khác	8.725.585.572		8.725.585.572	
Cộng	56.917.619.940		56.917.619.940	

07 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.143.079.034		14.422.157.440	
- Công cụ, dụng cụ	665.060.379		707.471.300	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.537.925.079		20.919.681.317	
- Thành phẩm	1.052.784.387.942	(307.120.895)	881.905.761.920	
- Hàng hóa	407.923.846.914		323.737.225.370	
- Hàng gửi đi bán	13.736.172.071		36.911.723.550	
Cộng	1.535.790.471.419	(307.120.895)	1.278.604.020.897	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 1.384.403.708.859 đồng
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2022.

Hàng tồn kho	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị trích lập
+ Thành phẩm cá	Kg	273.619	12.661.116.618	307.120.895

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Hình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

08 : TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm

+ Kho lạnh 04

+ Dây chuyền Shortening & Margarine

+ Khác

Xây dựng cơ bản

+ Kho lạnh số 04

+ Khu đô thị Bình Long

+ Trụ sở làm việc 12 tầng

+ Dự án bất nhậm

+ Công trình khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	16.713.024.794	59.564.170.167
	14.308.913.450	14.308.913.450
		44.960.714.500
	2.404.111.344	294.542.717
	567.840.445.583	613.431.149.796
	140.231.690.879	136.857.567.413
	401.317.925.000	401.317.925.000
		55.071.416.368
	10.116.986.563	10.108.441.109
	16.173.843.141	10.075.805.392
	584.553.470.377	672.995.319.963

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Cường, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.L.ép Võ, T.Đông Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	528.739.843.161	570.161.188.044	24.633.188.728	2.074.807.758	14.283.896.059	1.139.892.533.750	
2. Số tăng trong năm	1.801.918.000	53.159.105.928	8.603.851.327	871.285.740	37.718.182	64.473.879.177	
- Mua trong năm	954.928.000	2.364.838.000		688.850.556	37.718.182	4.046.335.338	
- Đầu tư XD/CB hoặc nhận	846.990.000	234.000.000		182.435.184		1.263.425.184	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		50.560.267.328				50.560.267.328	
- Tăng khác			8.603.851.327			8.603.851.327	
3. Số giảm trong năm		21.376.851.327		122.164.000		21.499.015.327	
- Chuyển bán, thanh lý		12.773.000.000		122.164.000		12.895.164.000	
- Giảm khác		8.603.851.327				8.603.851.327	
4. Số dư cuối năm	530.541.761.161	601.943.442.645	33.237.040.055	2.823.629.498	14.321.524.241	1.182.867.397.600	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	115.614.331.806	337.679.195.308	23.525.560.108	1.769.931.535	7.251.252.146	485.840.270.903	
2. Khấu hao trong năm	24.891.141.670	58.589.547.836	7.048.965.885	128.244.003	717.031.811	91.374.931.205	
- Khấu hao trong năm	24.891.141.670	40.407.176.054	1.115.608.782	128.244.003	717.031.811	67.259.262.320	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		18.182.371.782				18.182.371.782	
- Tăng khác			5.933.297.103			5.933.297.103	
3. Giảm trong năm	3.209.730	12.150.220.706		116.873.143		12.270.303.579	
- Thanh lý, nhượng bán		6.220.133.333		116.873.143		6.337.006.476	
- Giảm khác	3.209.730	5.930.087.373				5.933.297.103	
4. Số dư cuối năm	140.502.263.746	384.118.522.438	30.574.525.993	1.781.302.395	7.968.283.957	564.944.898.529	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	413.125.511.355	232.481.992.736	1.107.628.620	304.576.223	7.032.583.913	654.052.262.847	
2. Tại ngày cuối năm	390.039.497.415	217.824.930.207	2.662.514.062	1.042.327.103	6.353.240.284	617.922.499.071	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 350.481.040.651 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 185.005.009.854 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Địa chỉ: QL 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đông, Tráp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cùn, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCD vô hình	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm		284.342.239.011	17.095.897.012			301.438.136.023	
2. Số tăng trong năm	11.070.071.709	51.532.326.129				62.602.397.838	
- Thuế tài chính trong năm	11.070.071.709	51.532.326.129				62.602.397.838	
- Thuế lũy tiến theo thuế tài chính							
3. Số giảm trong năm		50.433.037.328				50.433.037.328	
- Trả lại TSCD thuế khi chính		50.433.037.328				50.433.037.328	
4. Số dư cuối năm	11.070.071.709	285.441.527.812	17.095.897.012			313.607.496.533	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm		58.955.454.036	1.820.041.106			60.775.495.142	
2. Khấu hao trong năm	2.376.858.627	34.556.856.476	2.486.310.216			39.420.025.319	
- Khấu hao trong năm	2.376.858.627	34.556.856.476	2.486.310.216			39.420.025.319	
- Trả lại TSCD thuế tài chính							
3. Giảm trong năm		18.182.371.782				18.182.371.782	
- Trả lại TSCD thuế tài chính		18.182.371.782				18.182.371.782	
4. Số dư cuối năm	2.376.858.627	75.329.939.330	4.306.351.322			82.013.149.279	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm		225.386.784.975	15.275.855.906			240.662.640.881	
2. Tại ngày cuối năm	8.693.213.082	210.111.588.482	12.789.545.690			231.594.347.254	

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 11.132.558.456 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh (nếu có): Các hợp đồng thuế tài chính

- Điều khoản giá trị thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuế có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bảo quyền, hàng sáng chế	Phần mềm vật tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	212.552.294.642			785.000.000	213.337.294.642
2. Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm	37.786.429.991				37.786.429.991
- Thanh lý, nhượng bán	37.786.429.991				37.786.429.991
4. Số dư cuối năm	174.765.864.651			785.000.000	175.550.864.651
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	20.492.656.476			718.453.787	21.211.110.263
2. Khấu hao trong năm	3.589.451.220			58.831.652	3.648.282.872
- Khấu hao trong năm	3.589.451.220			58.831.652	3.648.282.872
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	24.082.107.696			777.285.439	24.859.393.135
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	192.059.638.166			66.546.213	192.626.184.379
2. Tại ngày cuối năm	150.683.756.955			7.714.561	150.691.471.516

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCD vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 150.384.685.355VND

- Nguyên giá TSCD vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 675.000.000VND



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
BDS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	198.711.243.949	143.540.759.074	19.017.767.447	323.234.235.576
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273	132.570.453.824		149.825.181.097
- Nhà	181.456.516.676	10.970.305.250	19.017.767.447	173.409.054.479
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	61.219.851.824	8.454.573.445	7.947.695.738	61.726.729.531
- Quyền sử dụng đất	2.742.888.726	392.211.852		3.135.100.578
- Nhà	58.476.963.098	8.062.361.593	7.947.695.738	58.591.628.953
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	137.491.392.125			261.507.506.045
- Quyền sử dụng đất	14.511.838.547			146.690.080.519
- Nhà	122.979.553.578			114.817.425.526
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BDSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 197.349.792.530VND

- Nguyên giá BDSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: không có

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
a) Ngân hàng	2.248.358.236	2.069.316.264
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	984.501.317	410.916.639
Các khoản khác	1.263.856.919	1.658.399.625
b) Dài hạn	3.077.554.373	6.677.839.938
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	855.578.837	3.623.914.711
Các khoản khác	2.221.975.536	3.053.925.227
Cộng	5.325.912.609	8.747.156.202
14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	316.924.651.450	
Cộng	316.924.651.450	

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	2.552.345.402.069	2.552.345.402.069	4.986.076.098.196	5.008.719.756.553	2.574.989.060.426	2.574.989.060.426
Ngân hàng Á Châu CN Ông Ích Khiêm	39.131.698.871	39.131.698.871	50.604.804.371	52.419.296.000	40.946.190.500	40.946.190.500
Ngân hàng Á Châu CN Sa Đéc	18.761.160.000	18.761.160.000	39.530.820.000	95.757.952.000	74.988.292.000	74.988.292.000
CN Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Kiên Giang	652.006.595.782	652.006.595.782	1.448.123.037.294	1.325.731.115.327	529.614.673.815	529.614.673.815
NH Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Phú Quốc	8.764.275.000	8.764.275.000	83.747.339.500	149.526.680.550	74.563.616.050	74.563.616.050
NH Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Bến Nghé	352.336.319.400	352.336.319.400	678.759.898.567	517.075.483.567	190.651.904.400	190.651.904.400
Ngân hàng BPCE BOM - CN Thành phố Hồ Chí Minh	143.046.447.771	143.046.447.771	299.178.532.602	253.463.018.136	97.330.933.305	97.330.933.305



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thủy, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngân hàng	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND						
Ngân hàng China Construction - CN TP.HCM	159.352.169.200	159.352.169.200	317.923.292.200	317.473.659.000	158.902.536.000	158.902.536.000
CTBC Bank Co., Ltd, HoChiMinh City Branch	54.714.117.000	54.714.117.000	100.957.989.700	101.334.382.200	55.090.509.500	55.090.509.500
Ngân hàng Công thương Đồng Tháp-Lấp Vò	215.967.272.219	215.967.272.219	245.955.172.219	155.828.942.700	125.841.042.700	125.841.042.700
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đồng Tháp	29.875.870.000	29.875.870.000	79.875.870.000	50.000.000.000		
Ngân hàng Phát Triển Thành Phố HCM - CN Vũng Tàu	170.729.779.195	170.729.779.195	421.410.656.300	477.938.694.910	227.257.817.805	227.257.817.805
Ngân Hàng TNEH INDOVINA- Chi nhánh Đồng Nai	22.297.510.200	22.297.510.200				
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- CN Tp.HCM				61.698.145.200	61.698.145.200	61.698.145.200
Ngân Hàng Thương Mại CP Xăng Dầu Petrolimex CN An Giang	44.738.721.000	44.738.721.000	114.230.316.800	103.907.548.800	34.415.953.000	34.415.953.000
Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam CN An Giang			18.722.113.150	69.940.388.650	51.218.275.500	51.218.275.500
Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang	137.895.735.000	137.895.735.000	187.843.875.000	99.020.348.000	49.072.208.000	49.072.208.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang	481.577.731.431	481.577.731.431	844.294.870.293	1.146.634.101.513	783.916.962.651	783.916.962.651
Vay cá nhân	21.150.000.000	21.150.000.000	37.620.000.000	30.970.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngân hàng	Số cuối năm			Trong năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng - USD	1.314.993.781.031	1.314.993.781.031	3.422.473.183.916	3.152.844.178.582	1.045.364.775.697	1.045.364.775.697			
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh CN Ông Ich Khiêm	110.348.415.000	110.348.415.000	132.827.952.200	137.084.410.800	114.604.873.600	114.604.873.600			
Ngân hàng Á Châu - CN Sa Đéc	54.685.785.000	54.685.785.000	127.265.595.000	72.579.810.000					
CN Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Kiên Giang	831.241.654.500	831.241.654.500	1.447.476.310.303	1.221.994.096.203	605.759.440.400	605.759.440.400			
NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Phú Quốc	191.258.743.500	191.258.743.500	326.582.894.000	240.003.882.300	104.679.731.800	104.679.731.800			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé			41.287.850.928	104.527.032.325	63.239.581.397	63.239.581.397			
Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Tháp - Lấp Vò	23.355.913.031	23.355.913.031	140.691.923.285	117.336.010.254					
Ngân Hàng TNHH INDOVINA-CN Đồng Nai			41.707.796.000	41.707.796.000					
Ngân hàng Nam Á - CN Cần Thơ	41.527.500.000	41.527.500.000	102.876.000.000	135.055.533.500	73.707.033.500	73.707.033.500			
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam CN An Giang			28.937.725.000	28.937.725.000					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN An Giang (SCB)			172.762.100.000	208.094.320.000	35.332.220.000	35.332.220.000			
Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang			17.664.490.000	42.098.785.000	24.434.295.000	24.434.295.000			
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang	62.575.770.000	62.575.770.000	841.961.647.200	779.385.877.200					
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Cần Thơ			430.900.000	24.038.500.000	23.607.600.000	23.607.600.000			
Cộng	3.867.339.183.100	3.867.339.183.100	8.408.549.282.112	8.161.563.955.135	3.620.353.856.123	3.620.353.856.123			

35



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thới, H.Lấp Vò, T.Đông Thấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay dài hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	113.075.522.000	113.075.522.000			182.811.543.097	182.811.543.097
- VND	113.075.522.000	113.075.522.000		69.736.021.097	182.811.543.097	182.811.543.097
CN Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Kiên Giang				19.478.021.097	19.478.021.097	19.478.021.097
CN Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Bến Nghé				12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	113.075.522.000	113.075.522.000		38.258.000.000	151.333.522.000	151.333.522.000
Cộng	113.075.522.000	113.075.522.000			182.811.543.097	182.811.543.097

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thuật ngữ	Năm 2022		Năm 2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	27.673.208.853	25.045.784.974	17.626.941.247	834.948.993
Trên 1 năm đến 5 năm	40.829.228.311	32.324.093.734	53.914.749.994	9.833.738.366
Cộng	68.502.437.164	57.369.878.708	71.541.691.241	10.668.687.359



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Văn Cảnh, ấp An Thới, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Giá trị nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá định giá lại	Giá gốc	Giá định giá lại	Giá gốc
Ngắn hạn	14.151.280.000	14.151.280.000	24.158.113.635	24.158.113.635
Gốc nợ thuế tài chính	14.151.280.000	14.151.280.000	24.158.113.635	24.158.113.635
Lãi thuế tài chính phải trả				
Dài hạn	80.162.213.468	80.162.213.468	112.551.199.216	112.551.199.216
Gốc nợ thuế tài chính	80.162.213.468	80.162.213.468	112.551.199.216	112.551.199.216
Lãi thuế tài chính phải trả				
Cộng	94.313.493.468	94.313.493.468	136.709.312.851	136.709.312.851

đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có

f) Trái phiếu thương: không có

g) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan năm giữ: Không có



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Độc: QL 80, Cụm CN Văn Công, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

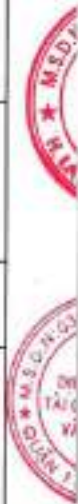
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2022

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ich Khải	OIK-DN.1632.220.222 ngày 14/03/2022		151.600.000.000		39.131.698.871	9	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tiền gửi và tài sản khác
				4.659.000,00		9	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tiền gửi và tài sản khác
				35.095.700,00		8	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, CN Phủ Quốc	01/2022/4426663/HĐ TD ngày 01/07/2022		1.900.000.000.000		652.006.595.782	8	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
				200.000.000.000		8	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
				8.075.100,00		8	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tiền gửi
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	FC.A-000659-2022 ngày 20/12/22	3.500.000,00	81.200.000.000		81.000.000.000	6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	QSDD của công ty
						6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tiền gửi
Ngân hàng Châu Construction - Chi nhánh TP.HCM	FAGS/TP/2018-005- APP4 ngày 6/10/2022	7.000.000	162.400.000.000		159.352.169.200	6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tiền gửi
						6	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tài sản khác
CTBC Bank Co., Ltd, HCM Branch	STV/N/139-16	1.500.000,00	34.800.000.000		30.512.181.000	9	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tài sản khác
						9	Theo tăng khả ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxd	Tài sản khác



Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LTD.
Địa chỉ: QL. 80, Cụm CN Văn Công, X. Bình Thành, H. Lập Vò, Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2022

Bên cho vay	Hợp đồng/Khoản nợ	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất (%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP công thương Đồng Tháp	249/2021-HBCVHM/NHCT720-IDI		300.000.000.000		186.476.003.219	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản	Tài sản khác
Ngân hàng Phát Triển Thành Phố HCM - CN Vũng Tàu	37061222MN/HBTD ngày 12/10/2022		400.000.000.000		199.929.779.193	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản	Tài sản của công ty
Ngân Hàng Xăng Dầu Petrolimex CN An Giang	340.0412/2021/HBTD HM-DN/PGBANKAG ngày 29/11/2021		80.000.000.000		44.738.721.000	9	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản	Tài sản khác
Ngân hàng TMCP Tiên Phong chi nhánh An Giang	606/2021/HBTD/AGG/01 ngày 27/12/2021		600.000.000.000		99.895.735.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản	QSDD và Tài sản khác
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thành Vương - Chi nhánh An Giang	179/2022/HIDM/CIB ngày 15/07/2022		1.000.000.000.000		356.000.995.431	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản	QSDD của công ty và tài sản khác
Đối tượng khác	Từng hợp đồng cụ thể				2.642.000,00	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản	Vay của cá nhân
					21.150.000.000	24	Theo từng hợp đồng cụ thể	Phục vụ sản xuất kinh doanh	



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Địa: QL. 80, Cụm CN Vàm Cỏng, X. Bình Thới, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2022

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu	SDE.DN.601.050822		75.000.000.000	2.304.500,00	73.446.945.000	6	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản của Trisedco + tài sản khác
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	52K/2021/HDHM/CIB		250.000.000.000		125.576.736.000	5	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản và tài sản khác
Ngân hàng TNHH CTBC	AC8-STVN1140-16	1.000.000,00			24.401.936.000	6	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng BPCE	FCA-000601-2022	3.500.000,00			62.046.447.771	5	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng HD bank	37243/22MN/HĐTD		90.000.000.000		10.800.000.000	6	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + tài sản khác
Ngân hàng TMCP Nam Á	0569/2021/603-CV		100.000.000.000	1.750.000,00	41.527.500.000	5	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + tài sản khác
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	105/2022-HEC/VHM/NHCT/20-TRISECO		40.000.000.000		29.491.269.000	6	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Trái phiếu và tài sản khác
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	447/2022/HĐT/AIGG		50.000.000.000		38.000.000.000	3	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tài sản khác
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	88/2022/VCBET.CRC		50.000.000.000		29.875.870.000	6	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	01/2022/4956478/HĐTD		400.000.000.000		352.336.319.400	6	Theo từng khế ước nhân nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + tài sản khác
Tổng ngân hàng		18.500.000	6.011.400.000.000	55.512.406	3.967.339.183.100				



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Đ/c: QL. 80, Cụm CN Văn Công, X. Bình Thành, H.Lập Vò, Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2022

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang	AGG/19050 ngày 05/12/2019		329.514.722.000		113.075.522.000	72	Theo từng kế ước nhận nợ	TT tiền chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền trên đất	Thế chấp đất và TS gắn liền trên đất
Tổng dài hạn			329.514.722.000		113.075.522.000				

Công ty cho thuê TC TNHH MTV NH	95/2020/CN.MN-CTTC ngày 27/11/2020		24.943.333.320		15.589.483.250	60	Theo từng kế ước nhận nợ	Thực vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
TMCP Công Thương Việt Nam_CN TP	91/2021/CN.MN-CTTC ngày 27/12/2021		31.051.892.611		20.873.599.996	60	Theo từng kế ước nhận nợ	Thực vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC VIETBANK LEASING	42/2016/CN.MN-CTTC		152.248.864.752		14.151.280.000	67	11,25%	Thực vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
	72/2019/CN.MN-CTTC		49.262.765.960		17.377.065.000	63	11,50%	Thực vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC CHAILEASE LEASING	105/2021/CN.MN-CTTC		35.327.814.667		15.151.515.155	36	10,50%	Thực vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
	C2201170C2		8.634.655.933		6.562.338.505	50	Theo từng kế ước nhận nợ	Thực vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
	C2211008C2		4.915.319.000		4.608.111.562	32	Theo từng kế ước nhận nợ	Thực vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Thấu dài chính			306.384.646.243		94.313.493.468				



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN				
a) Ngân hạn	374.513.815.731	374.513.815.731	243.015.497.071	243.015.497.071
Bên khác	374.513.815.731	374.513.815.731	243.015.497.071	243.015.497.071
+ Công ty CP Xuất khẩu Hải Sản Spech	166.738.481.952	166.738.481.952	126.319.887.595	126.319.887.595
+ Công ty TNHH MTV Tiếp Vận và Thương Mại Ocean Ship	52.544.744.081	52.544.744.081	32.256.362.298	32.256.362.298
+ Công Ty Cổ Phần Bảo Bi Bình Đức	17.349.907.212	17.349.907.212	11.186.804.750	11.186.804.750
+ Phải trả cho các đối tượng khác	137.880.682.486	137.880.682.486	73.252.442.428	73.252.442.428
Bên liên quan				
b) Dài hạn				
Cộng	374.513.815.731	374.513.815.731	243.015.497.071	243.015.497.071

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	29.731.084			29.731.084
Thuế TNDN - hoạt động SXKD chính	52.654.435.969	54.592.562.757	23.638.598.843	21.700.472.055
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		5.686.443.080	5.686.443.080	
Thuế thu nhập cá nhân	9.267.517.854	9.516.668.209	910.277.529	661.127.174
Thuế tài nguyên	235.008.000	321.846.708	251.190.708	164.352.000
Cộng	62.186.692.907	70.117.520.754	30.486.510.160	22.555.683.313

40



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
 Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Chánh, H.1. Lập Võ, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

b) Phải thu	Số cuối năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	2.309.395			2.309.395
Cộng	2.309.395			2.309.395

Ghi chú (*) Chi phí thuế TNDN thực nộp trong năm bao gồm: chuyển khoản 6.788.822.075 đồng và nộp bằng tiền mặt 4.389.589.256 đồng theo QĐ số 119/QĐ-CTDTH ngày 28/06/2022, với số tiền 4.063.189.701 đồng theo QĐ số 20/QĐ-CTDTH ngày 18/04/2022 và với số tiền 4.438.292.288 đồng theo QĐ số 121/QĐ-CTDTH ngày 28/06/2022.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật về các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đơn vị tính: VND

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a) Ngắn hạn**

Trích trước chi phí lãi vay

Trích trước giá vốn

b) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.636.007.346	1.771.796.816
	1.466.292.125	1.602.081.595
	169.715.221	169.715.221
	1.636.007.346	1.771.796.816

19. PHẢI TRẢ KHÁC**a) Ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm y tế

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Cổ tức, lợi nhuận phải trả

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Bên khác

+ Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Và Đầu Tư Tài Chính

+ Phải trả khác

Bên liên quan

b) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	22.531.480.197	16.481.855.210
	1.995.819.329	1.293.032.211
		1.865.125.860
	264.109.750	589.320.000
	6.696.577.860	6.636.974.660
	1.110.719.000	1.000.058.000
	12.464.254.258	5.097.344.479
	12.464.254.258	5.097.344.479
	1.162.175.000	1.404.708.000
	11.302.079.258	3.692.636.479
	22.531.480.197	16.481.855.210

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**a) Ngắn hạn**

Doanh thu nhận trước

b) Dài hạn

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	105.929.192	105.929.192
	105.929.192	105.929.192
	105.929.192	105.929.192

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI
Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thành, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm 2021							
01/01/2021	2.276.446.080.000	62.649.640.000	17.060.700.000	50.405.522.021	437.569.036.747	147.817.539.060	2.991.948.517.828
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					136.630.948.195	6.666.900.391	143.297.848.497
Tổng số trích lập từ lợi nhuận				14.171.771.372			14.171.771.372
Trích quỹ từ lợi nhuận					(16.171.771.372)		(16.171.771.372)
Giảm khác					1.731.920.779		1.731.920.779
31/12/2021	2.276.446.080.000	62.649.640.000	17.060.700.000	64.577.293.393	559.700.134.260	154.484.439.451	3.134.978.287.104
Năm 2022							
01/01/2022	2.276.446.080.000	62.649.640.000	17.060.700.000	64.577.293.393	559.700.134.260	154.484.439.451	3.134.978.287.104
Lãi trong năm này					547.355.662.089	15.790.776.520	563.146.438.609
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Trừ số trích lập từ lợi nhuận		134.163.820.000			(134.163.820.000)		
Tăng khác						1.498.758.358	1.498.758.358
Trích quỹ từ lợi nhuận				8.000.000.000	(10.000.000.000)		(2.000.000.000)
Chấn số tức (**)					(341.466.912.000)		(341.466.912.000)
31/12/2022	2.276.446.080.000	196.813.460.000	17.060.700.000	72.577.293.393	621.485.064.349	171.773.974.329	3.356.156.572.071

(*) Đây là khoản cổ tức Công ty con - Công ty cổ phần ưu đãi và phát triển thủy sản phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 29/05/2021 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 10/04/2022.

(**) Đây là khoản cổ tức năm 2021, Công ty thực hiện chi trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15% mệnh giá cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng) theo Nghị Quyết số 01/NQ-DHĐCĐ/2022 ngày 10/04/2022 của Đại hội cổ đông. Biên bản họp số 900/BH/HĐQT-2022 ngày 01/09/2022 và Nghị quyết số 901/QĐ-QĐHĐQT ngày 01/09/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đa Quốc Gia IDI.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

21. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ	1.166.124.310.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1.166.124.310.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.110.321.770.000	48,77%	1.110.321.770.000	48,77%
Cộng	2.276.446.080.000	100,00%	2.276.446.080.000	100,00%

21. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	341.466.912.000	

21. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	227.644.608	227.644.608
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

21. 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	55.479.155.557	47.479.155.557
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	8.549.068.918	8.549.068.918
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.549.068.918	8.549.068.918

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	3.450.597,41	1.705.795,71
- Bảng Anh (EUR)	1.553,04	4.098,96
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	13.834,60	13.834,60

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	3.580.581.753.531	2.320.540.021.543
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.943.014.763.619	2.212.780.654.424
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.344.039.037.041	1.127.144.023.250
Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.406.401.102	55.126.565.293
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	886.557.819	6.628.862.365
Cộng	7.936.928.513.112	5.722.220.126.875
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Đối tượng	Mối quan hệ	Năm 2022
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ	105.622.994.910
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Tỷ trọng tập đoàn	115.704.363.017

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
Giảm giá hàng bán	5.091.179.788	3.372.510.887
Hàng bán bị trả lại	1.313.124.857	
Cộng	6.404.304.645	3.372.510.887

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.736.457.487.248	2.063.011.512.764
Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.810.971.424.586	2.130.512.382.031
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.231.739.887.031	1.010.786.248.183
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.132.562.235	46.909.282.803
Giá vốn kinh doanh hàng hóa Bất động sản	959.073.000	6.625.662.364
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	307.120.895	(49.506.058.883)
Cộng	6.835.567.554.995	5.208.339.029.262

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.773.086.810	73.563.674.435
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.006.750.285	22.241.407.108
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.538.700.164	
Cộng	167.318.537.259	95.805.081.543

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	233.160.673.966	226.069.269.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.451.766.824	10.323.951.135
Chi phí tài chính khác	2.989.231.087	1.041.375.658
Cộng	307.601.671.877	237.434.596.728

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**06 . 1. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên	7.450.592.206	6.223.856.024
Chi phí khấu hao	344.295.689	433.690.579
Chi phí vận chuyển hàng hóa	236.285.118.466	123.127.034.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.986.388.007	18.489.794.281
Chi phí bằng tiền khác	33.835.597.440	23.846.055.028
Cộng	307.901.991.808	172.120.430.245

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	27.253.504.737	24.076.997.450
Chi phí công cụ, dụng cụ	359.473.116	348.576.411
Chi phí khấu hao	3.883.980.814	3.973.440.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.196.295.866	1.333.229.757
Thuế, phí, lệ phí	189.652.070	618.065.394
Các khoản chi phí QLDN khác	10.422.033.455	8.511.542.232
Hoàn nhập phải thu khó đòi		(878.327.487)
Lợi thế thương mại	16.680.244.814	
Cộng	60.985.184.872	37.983.524.232

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	14.681.693.715	
Thu nhập từ cho thuê tài sản	15.128.726.532	27.753.912.360
Các khoản khác	9.048.679.088	2.910.551.626
Cộng	38.859.099.335	30.664.463.986

Giao dịch với các bên liên quan

- + Công ty TNHH Sao Mai Super Feed
- + Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Cộng**Mối quan hệ**

	Năm 2022	Năm 2021
Công con của Sao Mai	130.559.240.172	3.665.454.546
Công ty mẹ	8.181.818.181	21.818.181.818
Cộng	138.741.058.353	25.483.636.364

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí cho thuê tài sản	4.377.657.766	5.564.458.720
Các khoản bị phạt	950.099.117	921.681.541
Các khoản khác	1.444.757.819	1.843.627.217
Cộng	6.772.514.702	8.329.767.478

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.784.698.984.478	1.700.861.882.065
Chi phí nhân công	357.507.822.240	257.356.988.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.888.861.012	124.371.338.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.617.683.997	209.941.683.096
Chi phí khác bằng tiền	102.241.255.329	120.266.675.526
Cộng	3.717.954.607.056	2.412.804.167.610

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	53.517.346.535	38.141.767.582
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	1.075.216.222	(329.802.507)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.592.562.757	37.811.965.075

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	133.925.441	
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	133.925.441	

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	547.355.662.089	136.630.948.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		2.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	227.644.608	227.644.608
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.404	591

(*) Hồi tố chi tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	547.355.662.089	136.630.948.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		2.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	227.644.608	227.644.608
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.404	591

(*) Hồi tố chi tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VII - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

	Năm 2022	Năm 2021
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.381.427.579.785	9.054.995.044.805
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	8.213.660.621.575	9.349.967.001.099
5. Mua và thanh lý công ty con trong năm báo cáo: Không có		

VIII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan**a. Gian dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022	Năm 2021
Thu lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		854.100.000	458.400.000
Lê Thanh Thuận	Chủ tịch	418.500.000	206.400.000
Lê Văn Chung	Phó chủ tịch	195.600.000	192.000.000
Tông Phi Hồng	Thành viên	120.000.000	60.000.000
Đình Văn Thép		120.000.000	
Ban Kiểm toán nội bộ		1.350.000	1.350.000
Ngô Thị Tố Ngân	Ủy viên	1.350.000	1.350.000
Tiền lương		3.473.468.015	3.490.434.102
Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc	830.248.875	685.000.000
Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc	190.000.000	625.000.000
Lê Văn Cảnh	P.Tổng Giám đốc	696.554.969	600.000.000
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	575.765.958	480.000.000
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	687.584.948	600.000.000
Lê Thế Tùng	P.Tổng Giám đốc	215.298.222	266.373.988
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	278.015.043	234.060.114

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Bán trong năm	114.697.194.910	40.378.810.592
	- Xuất bán cá tra đông lạnh	104.880.994.910	16.154.810.592
	- Phí ủy thác xuất khẩu cá tra	816.200.000	224.000.000
	- Cho thuê văn phòng, biển quảng cáo	9.000.000.000	24.000.000.000
	Mua trong năm	19.447.148.096	34.150.660.904
	- Tòa nhà 12 tầng	18.198.512.096	26.468.797.904
	- Chuyển nhượng QSDĐ dự án Lấp Vò	828.636.000	6.961.863.000
	- Chi phí thuê đất	420.000.000	720.000.000
	Cho vay trong năm	698.400.000.000	53.000.000.000
	- Cho vay huy động vốn	698.400.000.000	53.000.000.000
	Thu tiền trong năm	417.744.307.812	30.096.328.257
	- Thu tiền cho thuê mặt bằng		
	- Thu tiền lãi công trình		6.266.798.000
	- Thu lãi cho vay huy động vốn	22.243.100.069	2.330.738.000
	- Thu hoàn tiền cho vay	395.501.207.743	21.498.792.257
	Các khoản khác	314.488.053.728	36.399.112.691
	- Ủy thác xuất khẩu cá tra	116.468.482.733	16.841.649.600
- Thu hộ cước vận chuyển	9.310.587.495	4.726.503.095	
- Chi cổ tức	174.918.646.500		
- Tiền hoàn trả nền Bến xe Châu Đốc		5.237.517.996	
- Thanh toán tiền thiết kế và thi công công trình	13.790.337.000	9.593.442.000	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Bán trong năm	3.540.000.000	4.032.000.000
	- Tiền bán thức ăn thủy sản	14.050.125	
	- Tiền bán bã đậu nành	115.690.312.892	
	- Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50.000.000.000	
	- Tiền chuyển nhượng tòa nhà 12 tầng	85.000.000.000	
	- Tiền cho thuê đất	300.000.000	600.000.000
	- Tiền cho thuê cụm máy ép dăm trực đối	3.240.000.000	3.432.000.000
	Thu tiền trong năm	398.381.363.017	192.416.000.000
- Thu tiền chuyển nhượng nhà máy thức ăn, th	398.381.363.017	192.416.000.000	
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Mua hàng trong năm	266.142.200	76.291.200
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng	266.142.200	76.291.200
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Mua hàng trong năm	252.214.500	7.981.000
	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay	252.214.500	7.981.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Cho vay huy động vốn	334.400.000.000	31.501.207.743
	- Tư vấn thiết kế	79.096.353	13.229.136.353
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Chuyển nhượng nhà máy thức ăn		140.338.000.000
	- Tiền cho thuê máy ép dăm, thuê đất, bã đậu nành		3.799.000.000

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	+ Nước uống đóng chai		6.980.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Hiến, ấp An Thạnh, X. Bình Chánh, H.Lấp Vò, T.Đông Thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

04. Thông tin bổ phận

Đơn vị tính: VND

4. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2021		Tổng cộng	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài		
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.718.244.558.142	3.212.279.650.325	7.930.524.208.467	3.742.997.762.253	1.975.849.853.735	5.718.847.615.988
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	4.718.244.558.142	3.212.279.650.325	7.930.524.208.467	3.742.997.762.253	1.975.849.853.735	5.718.847.615.988
KQKD theo bộ phận	185.298.706.206	909.657.947.266	1.094.956.653.472	272.049.376.659	238.459.210.067	510.508.586.736
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(368.887.176.680)			(210.103.954.477)
Lợi nhuận (từ hoạt động kinh doanh			726.069.476.792			300.404.632.249
Doanh thu hoạt động tài chính			167.318.537.259			95.805.081.543
Chi phí tài chính			(307.601.671.877)			(227.434.596.728)
Thu nhập khác			38.859.099.335			30.664.463.986
Chi phí khác			(6.772.514.702)			(8.329.767.478)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(54.592.562.757)			(37.811.963.075)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(133.925.441)			
Lợi nhuận sau thuế TNDN			563.146.438.609			143.297.848.497
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			261.830.776.446			248.596.831.057
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			124.778.317.305			132.641.843.413



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Văn Hiến Công, ấp An Thiện, X. Bình Chánh, H.Lấp Vò, T.Đông Thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	31/12/2022			01/01/2022		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.969.707.069.362	250.378.336.329	2.220.085.405.691	2.160.010.500.752	188.617.588.056	2.348.628.088.808
Tài sản không phân bổ			5.864.022.932.166			5.205.230.423.770
Tổng tài sản	1.969.707.069.362	250.378.336.329	8.084.108.337.857	2.160.010.500.752	188.617.588.056	7.553.858.512.578
Nợ phải trả bộ phận	466.179.268.970	66.519.088.896	532.698.357.866	312.530.727.018	88.443.738.670	400.974.465.688
Nợ phải trả không phân bổ			4.184.990.022.820			4.010.275.738.586
Tổng nợ phải trả	466.179.268.970	66.519.088.896	4.717.688.380.686	312.530.727.018	88.443.738.670	4.411.250.204.274

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2022

Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra		Bột Cá, mỡ cá		Thức ăn chăn nuôi		Khác		Tổng
	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		3.574.177.448.886		2.943.014.763.619		1.344.039.037.041		69.292.958.921	7.930.524.208.467
Tài sản bộ phận		2.348.847.747.189		1.347.891.397.555		396.417.105.281		3.990.952.087.832	8.084.108.337.857
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác									261.830.776.446

Năm 2021

Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra		Doanh thu Bột Cá, mỡ cá		Thức ăn chăn nuôi		Khác		Tổng
	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	Chi tiêu	Số xuất chế biến cá tra	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		2.317.167.510.656		2.212.780.654.424		1.127.144.023.250		61.755.427.658	5.718.847.615.988
Tài sản bộ phận		2.448.159.062.809		1.240.662.965.789		415.479.469.978		3.449.557.014.002	7.553.858.512.578
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác									248.596.831.057

52



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL.80, cụm CN Văn Cường, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

05. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đến hạn thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản trong tương lai phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: Q.8, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Chánh, H.Lấp Vò, T.Đông Thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm kết thúc 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng dưới đây ứng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chốt khâu:
Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	374.513.815,731			374.513.815,731
Người mua trả tiền trước	140.131.403,033			140.131.403,033
Vợ và nợ	3.881.490.463,100	193.237.735,468		4.074.728.198,568
Chi phí phải trả	1.636.007,346			1.636.007,346
Các khoản phải trả phải nộp khác	22.531.480,197			22.531.480,197
Cộng	4.420.303.169,407	193.237.735,468		4.613.540.904,875

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

e. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.450.597	1.985.796
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	10.676.530	8.310.628
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(271.844)	(292.209)
Vay và nợ thuê tài chính	(55.512.406)	(45.569.244)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(41.657.123)	(35.571.029)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(19.812.091.044)	(16.379.748.929)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	19.812.091.044	16.379.748.929

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất cố định nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

* Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Bộ phận rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	570.982.500.000	899.482.500.000
Hàng tồn kho	1.384.403.708.859	1.129.733.375.292
Tài sản cố định hữu hình	350.481.040.651	378.012.216.839
Quyền sử dụng đất	150.384.685.355	191.760.566.566
Bất động sản đầu tư	197.349.792.530	71.514.033.639

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



VŨ THỊ LỆ



NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG



LÊ VĂN CHUNG